

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

*Đồng hành cùng bạn, vươn tới tương lai*



**ĐN** ĐỒNG NAI PORT  
Since 1989

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**  
DONG NAI PORT JOINT STOCK COMPANY  
Head office: 16-03, KP. Bình Dương, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai  
Tel: 02510.3832.225 / 3834.192 - Fax: 02510.3831.259  
Email: info@dongnaiport.com.vn - www.dongnai-port.com

**Đồng hành cùng bạn, vươn tới tương lai**  
*Your companion to move forward*

**Hướng đến kỷ niệm 30 năm thành lập công ty**  
Towards the 30<sup>th</sup> anniversary  
**(06.6.1989 - 06.6.2019)**

**DỊCH VỤ CHÍNH / MAIN SERVICES**

- DỊCH VỤ LOGISTICS, GIAO NHẬN ĐƠN TỚI ĐƠN  
Logistics supply chains & Door to door services
- XẾP ĐỒ HÀNG CONTAINER - DỊCH VỤ ICD  
Handling container - ICD Services
- XẾP ĐỒ HÀNG TỔNG HỢP  
Handling general cargoes
- DỊCH VỤ KHO BẢO  
Warehousing services

**CẢNG LONG BÌNH TÂN / LONG BINH TAN TERMINAL**  
Địa chỉ: 16-03, KP. Bình Dương, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, ĐN  
Tel: 02510.3831.225 - Fax: 02510.3831.259 / 3831.577  
Hotline: 0911.279.036 - 1936.899.888

**CẢNG CỎ ĐÀU / CO DAU TERMINAL**  
Địa chỉ: KCN Cổ Dầu, Xã Phước Thái, H. Long Thành, ĐN  
Tel: 02510.3641.590 - Fax: 02510.3543.790  
Hotline: 0911.268.811

## MỤC LỤC

### PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT  
Lịch sử hình thành và phát triển  
Các thông tin liên quan đến chiến lược phát triển  
Các rủi ro

### PHẦN II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án  
Tình hình tài chính của Công ty  
Cơ cấu cổ đông

### PHẦN III - BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tình hình tài chính triển vọng & kế hoạch phát triển

### PHẦN IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty  
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc  
Kế hoạch, định hướng của HĐQT

### PHẦN V - QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị  
Ban kiểm soát  
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS

### PHẦN VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018 ĐÃ KIỂM TOÁN

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và các bên hữu quan!

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN), tôi xin gửi lời chào trân trọng và lòng tri ân sâu sắc đến toàn thể Quý vị, những người luôn gắn bó, tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trên chặng đường 30 năm phát triển và kiến tạo những giá trị vững bền.



Năm 2018 đã khép lại với những thành quả khả quan từ sự nỗ lực không mệt mỏi của cả Chính phủ

và mọi thành phần kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP vượt ngưỡng kỳ vọng, tỷ lệ lạm phát và nợ công giảm, kim ngạch xuất nhập khẩu và vốn đầu tư nước ngoài tăng đáng kể. Các biến số này phản ánh nền kinh tế vĩ mô đang dịch chuyển theo hướng tích cực. Tuy vậy, chúng ta không chủ quan với kết quả của năm vừa qua mà nhìn nhận một cách thực tiễn và thận trọng khi những yếu kém của nền kinh tế vẫn còn hiện hữu.

Đối với PDN, năm vừa qua là năm thứ ba trong chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020. Từ bước khởi động của năm 2016, PDN đã tăng tốc và tạo sự bứt phá trong năm 2018 khi hoàn thành

vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đăng ký với Đại hội đồng Cổ đông.

PDN không ngừng gia tăng giá trị doanh nghiệp, giữ vững và phát triển thị phần, mạng lưới, tối ưu hóa quy trình sản xuất và chất lượng dịch vụ, mang đến cho khách hàng, đối tác, Quý vị cổ đông và các bên hữu quan những giá trị vững bền vì sự phát triển chung của PDN và xã hội.

Bước sang năm 2019 PDN đánh dấu chặng đường 30 năm hình thành và phát triển với những thành tựu đã đạt được, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể người lao động PDN và sự đoàn kết phấn đấu vì mục tiêu chung cho sự phát triển ngôi nhà PDN của Ban lãnh đạo đã tạo nên một luồng sinh khí mới góp phần thúc đẩy con tàu PDN trở nên mạnh mẽ, vững vàng hơn và sẵn sàng vượt qua mọi thách thức để tiếp tục vươn ra biển lớn. PDN luôn phát huy trí tuệ, sức mạnh tập thể, mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, đối tác, cổ đông và góp phần mang đến sự thịnh vượng chung của cộng đồng, xã hội.

Xin kính chúc tất cả khách hàng, đối tác, Quý vị cổ đông và các bên hữu quan cùng gia đình sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng!



## PHẦN I

# THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

### 1. Thông tin khái quát

Hướng đến kỷ niệm **30 năm hình thành và phát triển**, các thế hệ lãnh đạo và CB-CNV Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN) đã gắn kết một lòng cùng nhau xây dựng một vị thế trên thị trường, nâng cao năng lực cốt lõi, tăng cường ứng dụng công nghệ, cải tiến chất lượng dịch vụ mang đến giá trị cao cho các bên. PDN luôn chú trọng trách nhiệm xã hội, chăm lo đời sống CB-CNV, đóng góp vào ngân sách quốc gia, bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng vì một đất nước ngày càng phát triển. Đó là những giá trị kết tinh, là niềm tự hào lớn lao của PDN, của tỉnh Đồng Nai và nền kinh tế đất nước.

- ☞ Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
- ☞ Mã cổ phiếu: PDN
- ☞ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600334112 (Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 4703000301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 19 tháng 03 năm 2016)

## KHÂU HIỆU

- ☞ Vốn điều lệ: 123.479.870.000 đồng
- ☞ Địa chỉ: 1B-D3 Khu Phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- ☞ Số điện thoại: 0251.3832225
- ☞ Fax: 0251.3831259
- ☞ Email: [info@dongnaiport.com.vn](mailto:info@dongnaiport.com.vn)
- ☞ Website: [www.dongnai-port.com](http://www.dongnai-port.com)



Đồng hành cùng bạn, vươn tới tương lai

## TÂM NHÌN



Hướng tới sản lượng 20 triệu tấn xếp dỡ năm 2020

## SỨ MỆNH



Mang lại chuỗi cung ứng tốt nhất cho khách hàng, lợi ích bền vững cho nhà đầu tư.

Hoạt động hiệu quả, an toàn, môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện.

Cảng Đồng Nai nỗ lực vì sự phát triển kinh tế, góp phần xây dựng tỉnh Đồng Nai theo hướng Công nghiệp hóa –

Hiện đại hóa

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Trách nhiệm – Hợp tác – Hành động  
– Ảnh hưởng tích cực – Đạt mục tiêu

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



**1989**

Tháng 06/1989: UBND Tỉnh Đồng Nai quyết định thành lập Cảng Đồng Nai



**1994**

Tháng 08/1994: Cảng chính thức ký hợp đồng với Công ty UIC vay 150 nghìn USD để xây dựng 30m cầu cảng 5.000DWT tại Cảng Gò Dầu khu A

Tháng 10/1994: Ký kết với Công ty LD VT-Gas thuê bãi 20 năm trả trước 10 năm lấy vốn đầu tư xây dựng Cảng



**1995**

Tháng 06/1995: UBND Tỉnh Đồng Nai quyết định thành lập DN Nhà nước Tỉnh Đồng Nai theo Nghị định 388-HĐBT ngày 20/11/1991

Khánh thành kho hàng 1.500m<sup>2</sup> đầu tiên của Cảng Đồng Nai

Khởi công xây dựng 1,2km đường vào Cảng Gò Dầu Khu A

Nhận và triển khai công tác bồi thường Cảng Gò Dầu Khu B



**1996**

Khởi công Dự án nghiên cứu cải tạo đoạn cong luồng vào Cảng Gò Dầu tạo điều kiện xây cầu 15.000DWT

Bắt đầu đàm phán với tập đoàn Shell VN để nhận ứng vốn 1 triệu USD đầu tư xây dựng cầu cảng, mở rộng bãi tại Cảng Gò Dầu Khu B



**1997**







Tháng 03/1997: Ký hợp đồng khởi công 30m cầu B1 phân đoạn cầu cảng 10.000DWT và mở rộng bãi tại Cảng Gò Dầu khu B



**1998**

Đàm phán với nhà đầu tư Công ty phân bón Việt Nhật JVJF để nhận ứng vốn 1,5 triệu USD đầu tư xây dựng cầu cảng 12.000DWT tại Cảng Gò Dầu Khu B



<p style="text-align: center;"><b>2005</b></p> <p>Tháng 05/2005: Ký kết hợp đồng với Công ty TPC Vina vay vốn 1,5 triệu USD xây dựng cầu cảng B3 Tại Gò Dầu Khu B để đón tàu 15.000DWT</p> <p>Tháng 12/2005: Cảng Đồng Nai tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai</p>	<p style="text-align: center;"><b>2006</b></p> <p>Tháng 01/2006: Cảng Đồng Nai chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000301 do Sở Kế hoạch &amp; Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu, vốn điều lệ đăng ký 49.000.000.000 đồng</p> <p>Tháng 05/2006: Hoàn thành đưa vào sử dụng bến B3 thuộc Cảng Gò Dầu Khu B với tổng chiều dài 105m, tiếp nhận tàu có trọng tải đến 15.000DWT</p>	<p style="text-align: center;"><b>2007</b></p> <p>Tháng 05/2007: Hoàn thành bến A3 thuộc Cảng Gò Dầu Khu A với tổng chiều dài 110m, tiếp nhận tàu có trọng tải 10.000DWT</p>
<p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;"><b>2008</b></p> <p>Tháng 10/2008: Khánh thành cầu A3, mở rộng, hoàn chỉnh hệ thống cầu cảng Gò Dầu Khu A cho tàu 10.000DWT</p>	<p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;"><b>2009</b></p> <p>Xây dựng Cảng Container 5.000DWT tại Long Bình Tân, mua 2 cầu Liebherr tác nghiệp hàng hóa</p>	<p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;"><b>2010</b></p> <p>Tháng 02/2010: Khánh thành hệ thống cầu cảng Container LBT</p>
<p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;"><b>2011</b></p> <p>Tháng 10/2011: Hoàn thành tuyến đường vào Cảng Container Long Bình Tân</p> <p>Tháng 10/2011: Cổ phiếu Công ty CP Cảng Đồng Nai chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE</p>	<p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;"><b>2012</b></p> <p>Sản lượng Container đạt mốc 100.000Teus sau 01 năm đưa vào khai thác</p>	<p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;"><b>2013</b></p> <p>Được UBND Tỉnh Đồng Nai tôn vinh là Doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ</p> <p>Hệ thống kho CFS được chính thức đưa vào hoạt động</p> <p>Khởi công xây dựng cầu cảng 3.000DWT tại LBT</p>



**2014**

Tháng 09/2014: Khởi công xây dựng cầu cảng 30.000DWT tại Cảng Gò Dầu

Kho ngoại quan được cấp phép hoạt động

Sản lượng xếp dỡ đạt 3,5 triệu tấn, 255.709 teus; Tổng doanh thu đạt 273 tỷ đồng; vượt 30% so cùng kỳ, vượt 182% so với năm 2010



**2015**

Đưa vào hoạt động bến 3.000DWT và kho 5.000m<sup>2</sup> tại Cảng Long Bình Tân

Đưa vào khai thác 9,3ha bãi tại Gò Dầu

Tháng 09/2015: Khánh thành và đưa vào hoạt động bến tàu 30.000DWT tại Cảng Gò Dầu Khu B



**2016**

Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3 (2016 - 2020)

Đầu tư thiết bị cầu Macgregor tải trọng 40T, tầm với 36m và các thiết bị kèm theo tại khu vực Gò Dầu

Triển khai thi công 7,0 ha bãi tại khu Gò Dầu

Đưa vào khai thác 2,5 ha bãi tại khu vực Long Bình Tân



**2017**

Sản lượng ngành hàng tổng hợp vượt mốc 5 triệu tấn/năm

Tổng doanh thu vượt 500 tỷ đồng

Đầu tư và đưa vào sử dụng ngáng chụp bán tự động, đẩy nhanh tiến độ tác nghiệp và mang lại hiệu quả tích cực cho hoạt động khai thác dịch vụ container tại Cảng Long Bình Tân

Bộ GTVT chấp thuận chủ trương chp phép cầu cảng A3 & B3 tiếp nhận tàu có tải trọng 30.000DWT



**2018**

Tổng doanh thu vượt 670 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế vượt 123 tỷ đồng

Đội Hải quan thủ tục chính thức hoạt động hiệu quả tại Cảng Long Bình Tân

Doanh nghiệp được bình chọn vào bảng xếp hạng “Doanh nghiệp vì Người lao động” do Tổng Liên đoàn Lao động tổ chức xét duyệt

Đầu tư bến tàu 5.000 DWT nổi K1 – K2; bãi 3.000m<sup>2</sup>; triển khai công trình mương thoát nước chung





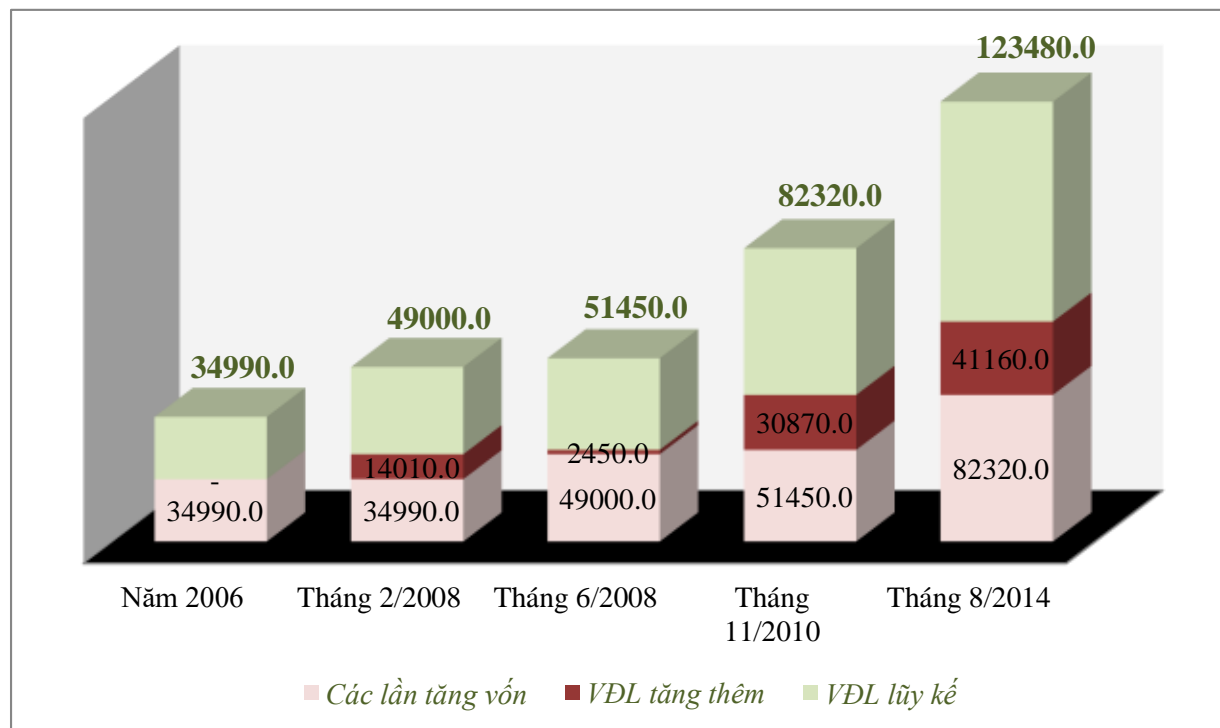
## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### Ngành nghề kinh doanh

- ☞ Dịch vụ kho bãi
- ☞ Dịch vụ ICD, xếp dỡ, kiểm đếm, đóng rút, lưu trữ, giao nhận hàng hóa
- ☞ Dịch vụ giao nhận door to door nội địa
- ☞ Dịch vụ logistics và khai thuê hải quan
- ☞ Dịch vụ vận tải hàng hóa thủy bộ, vận tải đa phương thức
- ☞ Dịch vụ sửa chữa khác

### Địa bàn kinh doanh

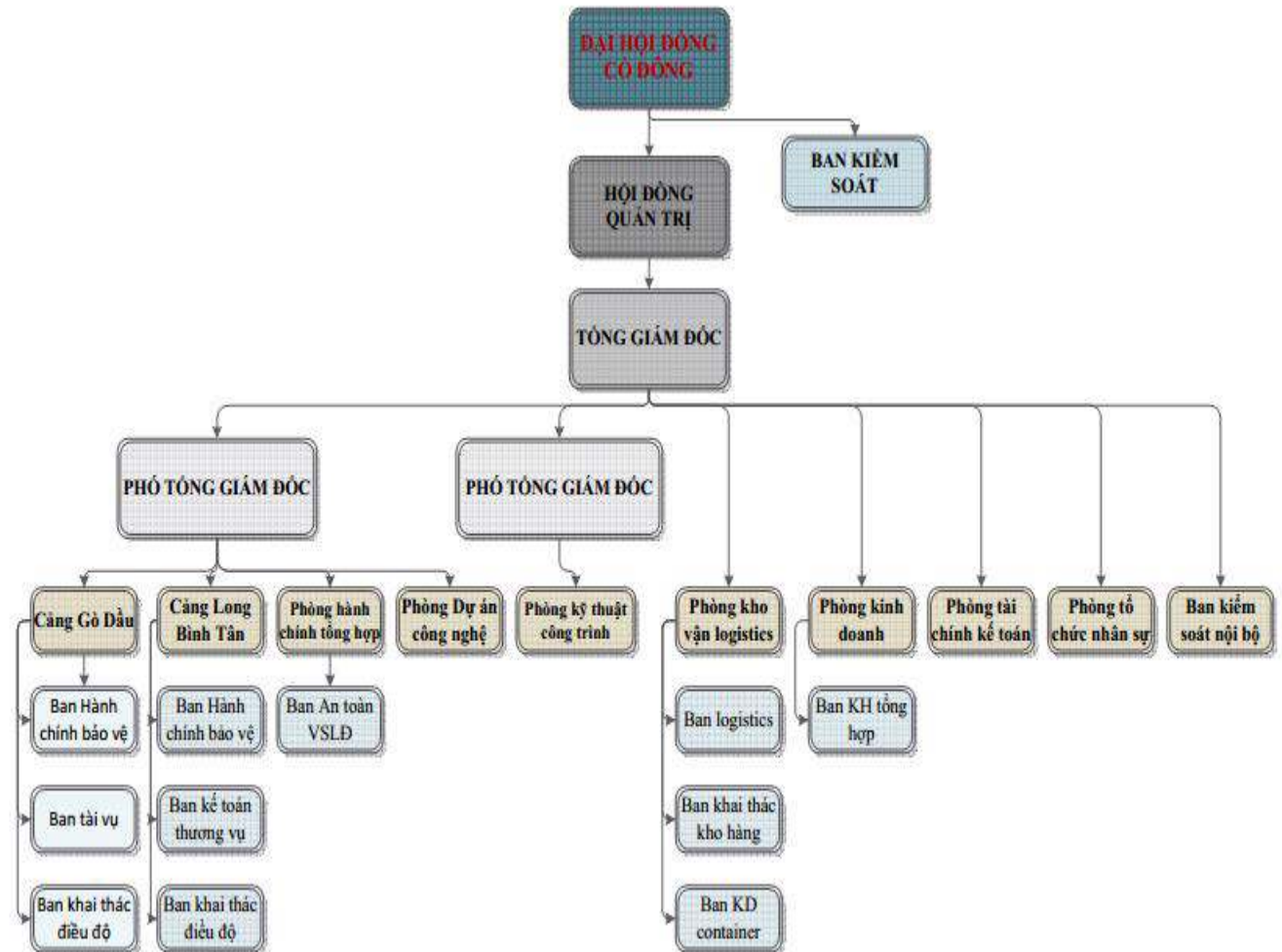
PDN đang cung cấp các dịch vụ cho khách hàng chủ yếu tại khu vực Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, TP.HCM, Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Dương



### 3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua ngày 19/04/2018. PDN có cơ cấu tổ chức như sau:

### Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (Cập nhật đến 31/12/2018)





STT	Công ty liên kết	Lĩnh vực	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ vốn góp của PDN
1	Công ty CP Cảng Long Thành. Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Khai thác dịch vụ, hạ tầng cảng biển và xếp dỡ hàng hóa	9.157.000.000	30%
2	Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai. Địa chỉ: Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ, xăng dầu, vận tải...	30.000.000.000	45%

#### 4. Định hướng phát triển

##### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Khai thác Cảng là mục tiêu cốt lõi của PDN. Hiện tại, PDN đang hình thành và phát triển cơ sở hạ tầng, kho bãi, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh hướng tới việc tăng cường hoạt động chuỗi cung ứng logistics trải dài từ Bắc vào Nam, các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm.

Chuyên nghiệp hóa đội ngũ lãnh đạo nhằm định hướng đường lối chiến lược và điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của PDN, nâng cao tay nghề và quán triệt tinh thần phục vụ khách hàng đến toàn thể cán bộ công nhân viên (CB-CNV).

Đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều phối hàng hóa, container,

kho bãi, v.v... gia tăng hiệu quả khai thác và tiết kiệm chi phí.

Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu khách hàng và tạo ra nền tảng tối ưu hóa năng suất lợi nhuận.

##### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong năm 2019 và những năm tiếp theo, đất nước đứng trước những vận hội và thách thức mới khi gia nhập và triển khai các Hiệp định thương mại tự do (FTA) với các nước và Cộng đồng Kinh tế ASEAN, toàn thể Ban lãnh đạo và CB-CNV PDN tiếp tục nỗ lực cao nhất theo đuổi chiến lược phát triển bền vững với các mục tiêu:

☞ Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi là khai thác Cảng và Logistics

- ☞ Tăng cường khả năng cạnh tranh và nắm bắt tốt các cơ hội của thị trường thông qua việc mở rộng mạng lưới Cảng và Logistics, giữ vững và phát triển thị phần
- ☞ Phát triển dịch vụ theo cả chiều rộng và chiều sâu, đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của khách hàng
- ☞ Tập trung củng cố, phát huy nguồn nhân lực chất lượng
- ☞ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý, điều hành, khai thác
- ☞ Tối ưu hóa quy trình sản xuất và hiệu quả hoạt động
- ☞ Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến công nghệ, đào tạo chuyên sâu
- ☞ Tiếp nối truyền thống văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, đoàn kết cùng phát triển, phát huy giá trị doanh nghiệp
- ☞ Mang đến cho khách hàng, đối tác, quý vị cổ đông, CB-CNV và các bên hữu quan những giá trị vững bền
- ☞ Đóng góp tích cực cho xã hội, tạo thêm việc làm, xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế Việt Nam

Đồng thời cùng xây dựng và phát triển thương hiệu PDN, tích hợp các dịch vụ hỗ trợ nhằm cung cấp cho khách hàng các giải pháp logistics tích hợp, toàn diện trên phạm vi cả nước.

Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và đưa vào khai thác cầu bến mới (bến B5) có khả năng tiếp nhận tàu 30.000 DWT tại Cảng Gò Dầu, đầu tư phương tiện xếp dỡ theo hướng hiện đại hóa, đảm bảo mục tiêu sản xuất và chất lượng dịch vụ, hướng tới mục tiêu sản lượng hàng hóa khai thác đạt 20 triệu tấn vào năm 2020.

## Mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn

Môi trường làm việc trong cảng biển luôn ẩn chứa nhiều nguy cơ mất an toàn liên quan đến hoạt động khác nhau như giao thông, sử dụng điện, làm việc trên cao và đặc biệt là hoạt động nâng hạ hàng hóa, vốn là một trong những hoạt động cốt lõi của Cảng.

Để đảm bảo tăng trưởng và tăng trưởng bền vững, song song với việc cải thiện các chỉ số về khai thác và chất lượng dịch vụ xếp dỡ, Công ty đặc biệt quan tâm đến công tác bảo vệ sức khỏe và an toàn cho người lao động, bởi con người là vốn quý và Công ty luôn xem người lao động là tài sản lớn nhất.

Để có thể bảo vệ tốt nhất cho người lao động, Công ty chúng tôi luôn tìm kiếm và hướng tới các giải pháp quản lý an toàn hiệu quả. Một trong những cách làm mà Công ty cho rằng rất hữu ích đối với công tác an toàn là tìm kiếm cơ hội học hỏi và chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các tổ chức hoạt động cùng ngành nghề hoặc công việc có tính tương đồng với nhau.

### Môi trường

Sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất khai thác

Giảm thiểu ô nhiễm không khí trong quá trình hoạt động

Quản lý tốt chất thải rắn và chất thải nguy hại

Khai thác hợp lý, bảo vệ môi trường nước và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước

### Xã hội

Phát triển bền vững tại các vùng và địa phương

Duy trì tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững

Thay đổi mô hình sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường

## Cộng đồng

Tiếp tục tạo thêm việc làm cho người lao động

Nâng cao trình độ nghề nghiệp, phù hợp với yêu cầu của Công ty vì sự nghiệp phát triển đất nước

Nỗ lực tham gia các chương trình xã hội để xóa đói, giảm nghèo, đẩy mạnh thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, cải thiện điều kiện lao động và vệ sinh môi trường sống

## 5. Các rủi ro

PDN kiên định với mục tiêu tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi là khai thác cảng và dịch vụ logistics, cùng với việc đầu tư có chọn lọc nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.

Công tác quản lý rủi ro đã trở thành một hoạt động quan trọng và không tách rời trong tổng thể hệ thống quản lý của Công ty với sự tham gia của tất cả các cấp từ lãnh đạo đến nhân viên Công ty. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát nội bộ hỗ trợ các đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát và quản trị rủi ro để đảm bảo cơ chế hoạt động của hệ thống quản lý rủi ro được vận hành một cách hiệu quả.

Quy trình quản lý rủi ro được xây dựng với mục tiêu

☞ Xác lập cơ chế giám sát quản lý bằng những quy định rõ ràng, không quản lý bằng lòng tin

☞ Giảm thiểu nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong kinh doanh (sai sót vô tình gây thiệt hại, gian lận nội bộ, các rủi ro làm chậm kế hoạch, tăng giá thành, giảm chất lượng dịch vụ, v.v...)

☞ Bảo vệ tài sản khỏi bị hư hỏng, mất mát, hao hụt, gian lận, lừa gạt, trộm cắp...

☞ Đảm bảo mọi thành viên tuân thủ quy định, nội quy của Công ty và Pháp luật

☞ Đảm bảo sử dụng tối ưu các nguồn lực và đạt được mục tiêu đặt ra

☞ Bảo vệ quyền lợi và gây dựng lòng tin của nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan

## Các bước triển khai thực hiện quản lý rủi ro theo quy trình

Bước 1: Xác định rủi ro trên cơ sở mục tiêu kế hoạch của đơn vị, mô tả và phân loại rủi ro

Bước 2: Đánh giá và xếp hạng rủi ro

Bước 3: Xây dựng kế hoạch ứng phó

Bước 4: Kiểm tra đánh giá hoạt động, thực hiện

Bước 5: Lập báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, đề xuất biện pháp ngăn ngừa

Bước 6: Rà soát việc thực thi, khắc phục lỗi của đơn vị & cải tiến quy trình

Đánh giá công tác quản trị rủi ro trong năm 2018

Trước diễn biến còn nhiều khó khăn của nền kinh tế trong và ngoài nước trong năm 2018, bằng nỗ lực và quyết tâm cao nhất, PDN đã đạt được kết quả kinh doanh đáng khích lệ.

Để có được thành quả đó, việc chủ động ngăn ngừa và kiểm soát được các yếu tố rủi ro trong kinh doanh có thể gây ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển của Công ty đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Chính vì vậy, ngay từ đầu năm, Công ty đã xác định danh mục các rủi ro trọng yếu. Trên cơ sở đó, từng đơn vị căn cứ vào mục tiêu kế hoạch và đặc thù về hoạt động của đơn vị mình sẽ bổ sung thêm danh sách các rủi ro của đơn vị.

Để duy trì được sự phát triển nhanh, mạnh và bền vững, PDN xác định công tác quản trị rủi ro luôn đóng một vai trò quan trọng và song hành cùng với hoạt động của Công ty. Năm 2018, công tác quản lý rủi ro đã thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- ☞ Giám sát thực hiện mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
- ☞ Theo dõi, đánh giá cắt giảm hợp lý chi phí các đơn vị hàng tháng
- ☞ Xác định danh sách rủi ro trọng yếu để lập kế hoạch kiểm tra, phòng vệ, ứng phó
- ☞ Phối hợp với đơn vị phân tích hiệu quả hoạt động cũng như đánh giá mức độ rủi ro của từng dự án kinh doanh để lựa chọn dự án kinh doanh phù hợp và hiệu quả
- ☞ Rà soát, theo dõi kết quả thực hiện của từng đơn vị, cảnh báo các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu kế hoạch

- ☞ Rà soát, đóng góp bổ sung, chỉnh sửa chính sách, quy trình, quy định để phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị

- ☞ Lập và thực hiện các kế hoạch kiểm tra, kiểm soát nội bộ, tuân thủ quy trình

- ☞ Báo cáo đánh giá, theo dõi việc thực thi

Nhìn chung, trong năm 2018 toàn Công ty không có các sự vụ nghiêm trọng nào xảy ra gây ảnh hưởng đến hoạt động chung của Công ty. Các đơn vị đã đề cao việc quản lý rủi ro, từ đó xây dựng hệ thống quản lý, kiểm soát rủi ro hữu hiệu góp phần đảm bảo duy trì hoạt động hiệu quả, an toàn, ổn định; bảo đảm hệ thống thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ, và quan trọng nhất là đảm bảo hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2018 của toàn Công ty.

### Kế hoạch quản trị rủi ro năm 2019

Năm 2019 được dự báo kinh tế Việt Nam có những yếu tố thuận lợi với hàng loạt các cải cách về thể chế và thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, giảm chi phí sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh sản xuất, phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, thì những thách thức, nguy cơ rủi ro lớn có thể đến từ thiên tai và biến đổi khí hậu, năng suất lao động chưa có sự đột phá, hiệu quả đầu tư và năng lực cạnh tranh của cả nền kinh tế cũng như của cộng đồng doanh nghiệp còn thấp.

Đối với PDN, năm 2019 là năm công ty tăng tốc để tạo dấu ấn kỷ niệm PDN tròn 30 tuổi, đồng thời tiến đến mục tiêu chiến lược đề

ra cho giai đoạn 5 năm (từ 2016 đến 2020). PDN xác định công tác quản trị rủi ro là công tác trọng tâm của hệ thống quản trị

Công ty. Năm 2019, quản lý rủi ro của Công ty sẽ tập trung vào các nhiệm vụ sau đây:

## Rủi ro

## Giải pháp quản lý rủi ro năm 2019

### 1. Rủi ro chiến lược

**Rủi ro cạnh tranh:** Mức độ cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt, đối thủ cạnh tranh ngày càng tăng về số lượng, lớn mạnh về quy mô



Thay đổi của thị trường

Những thay đổi về quy định, chính sách từ Cơ quan quản lý nhà nước



- Cập nhật chiến lược phát triển chung của Công ty, xác định vị thế đơn vị trong Công ty để có chính sách ưu tiên, đầu tư, định hướng cho phù hợp
- Tận dụng ưu thế về cơ sở hạ tầng và thương hiệu PDN
- Nắm bắt, tìm hiểu kỹ thông tin về các đối thủ cạnh tranh, tìm ra hướng đi riêng cho mình
- Giữ mối quan hệ tốt và liên lạc thường xuyên với khách hàng để kịp thời cập nhật những thay đổi, nhu cầu của khách hàng
- Xem xét mặt bằng giá cả thị trường để có mức điều chỉnh tăng/giảm giá phù hợp trong từng giai đoạn
- Liên tục cải tiến quy trình và đưa ra giải pháp dịch vụ đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng



- Cập nhật kịp thời xu thế của thị trường, nhu cầu của khách hàng, quy trình công nghệ, v.v...
- Xây dựng tổ chức bộ máy để sẵn sàng ứng phó với những thay đổi theo đặc thù hoạt động của Công ty



- Cập nhật phổ biến kịp thời quy định, chính sách của các Cơ quan quản lý Nhà nước, các hiệp định, chính sách của quốc tế
- Tham dự các khóa tập huấn đào tạo về Luật, Hiệp định, v.v...
- Hiểu và thực hiện đúng, linh hoạt các quy định, chính sách, chủ động cân đối, điều chỉnh các chính sách liên quan

## 2. Rủi ro nguy hiểm

Các sự cố do con người hoặc thiên nhiên gây ra ảnh hưởng đến môi trường xung quanh: ô nhiễm không khí, ô nhiễm môi trường nước (sự cố dầu tràn)



- Lập và đưa quy trình sản xuất áp dụng thực tế vào hoạt động khai thác, tránh phát sinh những rủi ro như: dầu tràn, giảm thiểu tình trạng xe trung chuyển hàng hóa quá tải gây rơi vãi bụi trên đường và ô nhiễm không khí
- Định kỳ kiểm tra môi trường nước và không khí tránh ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và môi trường xung quanh
- Đầu tư thiết bị phục vụ công tác đảm bảo vệ sinh môi trường (xe hút bụi, xe tưới đường)
- ☞ Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn mua bảo hiểm vật chất cho các tài sản tham gia trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh

Rủi ro về dự án: Hiện nay PDN đang trong giai đoạn tiếp tục triển khai, hoàn thành các hạng mục công trình, nên một trong những khó khăn mà PDN phải đối mặt là vấn đề tiến độ thực hiện công trình mà hoàn toàn phụ thuộc vào việc đền bù giải tỏa và tái định cư cho người dân tại khu vực



- Cập nhật kịp thời chính sách về giá đất đai để đưa ra mức áp
- giá đền bù phù hợp cho người dân
- Rà soát và yêu cầu các nhà thầu xây dựng thực hiện đúng tiến độ công trình để sớm đưa các hạng mục công trình đi vào khai thác, hạn chế thấp nhất các công trình dở dang kéo dài ảnh hưởng kế hoạch khai thác và phát sinh chi phí. Xúc tiến mạnh công tác đền bù và xây lắp mặt bằng các dự án đã được duyệt để đẩy nhanh tiến độ đấu thầu, thi công và đưa vào khai thác kịp tiến độ nhằm hạn chế việc bỏ lỡ cơ hội kinh doanh

Quản lý vận hành tài sản



- Lập biên bản khi giao/ nhận, quản lý tài sản và hồ sơ tài sản
- Thực hiện đúng chế độ bảo trì bảo dưỡng theo yêu cầu của nhà sản xuất hoặc quy trình của đơn vị
- Huấn luyện nội bộ định kỳ cho nhân viên mới về quy trình quản lý, vận hành và bảo dưỡng tài sản



### 3. Rủi ro tài chính

Thay đổi tỷ giá, lãi suất làm ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư, chi phí đầu tư



- Cập nhật kịp thời biến động thị trường tài chính thế giới và trong nước
- Lập phương án ứng phó dự phòng khi có biến động tỷ giá, lãi suất
- Cơ cấu lại danh mục và thời gian đầu tư để tận dụng lợi thế chính sách mới

Dòng tiền và khả năng thanh toán



- Nhanh chóng hoàn thành biên bản giao nhận/ bàn giao hàng hóa, dịch vụ nhằm đẩy nhanh tiến độ lập hóa đơn thu tiền khách hàng
- Theo dõi thời hạn nợ để kịp thời nhắc nhở khách hàng trả các khoản nợ đến hạn
- Quy định chặt chẽ, cụ thể với nhà cung cấp về thời hạn thanh toán sau khi nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán
- Phòng tài chính kế toán lập kế hoạch thu, chi phù hợp để luôn chủ động dòng tiền

### 4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro mất khách hàng quan trọng: Mất các mối quan hệ với các khách hàng lớn ảnh hưởng xấu đến doanh thu và lợi nhuận



- Tìm kiếm và tạo sự khác biệt, phát huy thế mạnh của sự khác biệt đem lại giá trị cho khách hàng nhằm giữ chân khách hàng cũ, thu hút khách hàng mới và khách hàng tiềm năng
- Dựa trên nền tảng là yếu tố con người: sự chuyên nghiệp, kỷ luật, tận tâm để tạo nên chất lượng dịch vụ tốt làm hài lòng khách hàng
- Phân tích đánh giá nguyên nhân mất khách hàng (nếu có) để rút kinh nghiệm trong việc giữ chân khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng

Ảnh hưởng bởi nhà cung cấp: Phụ thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ không đảm bảo uy tín, chất lượng dịch vụ làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng



Các tội phạm CNTT tấn công và xâm phạm an ninh dữ liệu kinh doanh và dữ liệu khách hàng làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh



Xảy ra tai nạn, đâm va gây thiệt hại về con người, hàng hóa, tài sản hoặc gây gián đoạn hoạt động SXKD



Quy mô sản xuất mở rộng nhanh hơn quy mô nhân sự



- Mở rộng danh sách nhà cung cấp, hạn chế rủi ro phụ thuộc
- Định kỳ đánh giá năng lực chất lượng dịch vụ của nhà cung cấp để có chính sách phù hợp
- Phối hợp với chuyên viên pháp chế rà soát các điều khoản hợp đồng, hạn chế các rủi ro phát sinh
- Tìm hiểu thông tin đầy đủ của các nhà cung cấp trước khi lựa chọn ký hợp đồng
- Lưu hồ sơ, theo dõi đánh giá nhà cung cấp định kỳ tháng/ quý/ năm

- Thực hiện lưu trữ bảo mật tài liệu
- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị công nghệ
- Cập nhật các công cụ bảo mật thông tin mới để nâng cấp, áp dụng
- Nhanh chóng phòng vệ khi có cảnh báo từ các cơ quan quản lý chức năng về an ninh mạng

- Mua bảo hiểm cho tài sản
- Xây dựng đội ngũ nhân sự quản lý, vận hành chuyên nghiệp
- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ tài sản
- Cập nhật kịp thời các dự báo về môi trường, thời tiết v.v...
- Cập nhật kịp thời các quy định và tuân thủ chặt chẽ các chính sách, quy định về hàng hải, an toàn hàng hải, chính sách hàng hải trong nước và quốc tế

- Xây dựng đội ngũ nhân sự, cán bộ tiềm năng hỗ trợ khi mở rộng hoạt động
- Luôn cân đối quy mô sản xuất với nguồn lực phù hợp để đảm bảo việc phát triển bền vững và chất lượng dịch vụ

Để công tác quản trị rủi ro có một hành lang hoạt động thông thoáng, PDN đã có sự phối hợp nhịp nhàng với các đơn vị dựa trên quy chế quản trị rủi ro đã được ban hành. Theo đó, bộ phận quản trị rủi ro thường xuyên nắm bắt, cập nhật các vấn đề phát sinh tại đơn vị và nhanh chóng xây dựng, triển khai quy trình kiểm soát quản lý rủi ro, nhiệm vụ cụ thể trong năm 2019:

- ☞ Rà soát công tác xây dựng kế hoạch và lập kế hoạch năm của các đơn vị
- ☞ Xác định danh sách rủi ro trọng yếu để lập kế hoạch phòng vệ, ứng phó
- ☞ Tăng cường truyền thông văn hóa “quản lý rủi ro” đến các đơn vị, bộ phận
- ☞ Theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch của các đơn vị, cảnh báo các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu kế hoạch
- ☞ Thực hiện kiểm tra, kiểm soát nội bộ để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm
- ☞ Giám sát thực hiện mục tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh
- ☞ Phát huy sức mạnh của công tác quản lý tập trung hỗ trợ công tác quản trị rủi ro
- ☞ Lập và thực hiện các kế hoạch kiểm tra kiểm soát nội bộ, tuân thủ quy trình

☞ Tổng kết báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát quản lý rủi ro, theo dõi việc thực thi

Để công tác Quản lý rủi ro đem lại hiệu quả cao nhất, tất cả các cá nhân và đơn vị ở mọi cấp của Công ty phải thường xuyên kiểm tra và tự kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy trình nội bộ có liên quan và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện hoạt động nghiệp vụ của mình trước Công ty và pháp luật.

Bộ phận quản trị rủi ro sẽ phối hợp cùng Ban kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, rà soát hoạt động các đơn vị theo kế hoạch đã lập trước hoặc kiểm tra đột xuất tùy theo tình hình hoạt động của từng đơn vị.

Báo cáo kiểm tra sẽ được gửi cho Ban. Bên cạnh đó, ngoài việc mua các loại bảo hiểm rủi ro trong quá trình khai thác cảng, Công ty đang nỗ lực trong việc giải phóng hàng hóa nhanh cho khách hàng, cải cách thủ tục giao nhận hàng tại Công ty để rút ngắn thời gian chờ đợi cho khách hàng, Lãnh đạo để xem xét nhằm cảnh báo sớm ngăn ngừa rủi ro hoặc kịp thời triển khai các biện pháp khắc phục.

Thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, các nhà thầu vận tải, kinh doanh khai thác cảng, tạo thành chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín để đưa hàng hóa từ kho nhà máy của khách hàng về đến cảng đích nơi nhận hàng và ngược lại.



## 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

*Năm 2018 là năm thứ 3 trong chiến lược kinh doanh 2016 – 2020 của PDN. Do đó, kết quả kinh doanh năm 2018 có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm tạo đà vững tiến và tinh thần tích cực cho toàn thể nhân viên PDN tiếp tục thực hiện các mục tiêu cho các năm sau.*

Trong năm 2018, tình hình kinh tế thế giới diễn ra rất phức tạp, việc Mỹ áp thuế cao đối với các mặt hàng có xuất xứ từ Trung Quốc ảnh hưởng tới toàn bộ nền kinh tế thế giới, làn sóng di chuyển các đơn vị sản xuất gần như tất cả các lĩnh vực từ Trung Quốc qua các quốc gia khác trong đó có Việt Nam vẫn đang tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt

## PHẦN II

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Nam trong năm 2018 tăng hơn 13%. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu tăng hơn 14%, kim ngạch nhập khẩu tăng hơn 12% so với cùng kỳ 2017. Riêng tỉnh Đồng Nai tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trong năm 2018 tăng trên 10% so với năm 2017.

☞ Sản lượng than nội địa phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu năm 2018 đạt 40 triệu tấn, tăng hơn 14% so với sản lượng than khai thác năm 2017. Sản lượng than nhập khẩu năm 2018 đạt 20 triệu tấn, tăng gần 38% so với sản lượng than nhập khẩu năm 2017. Nhu cầu về than đá phục vụ sản xuất của các nhà máy và nhiệt điện tiếp tục tăng cao. Các đơn vị sử dụng than đá cho hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục tìm nguồn hàng trong nước cũng như các nguồn hàng quốc tế, nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ và phục vụ sản xuất.

☞ Nhu cầu về sắt thép xây dựng và sắt thép nguyên liệu của Việt Nam tiếp tục tăng, bên cạnh việc sản lượng sản xuất trong nước, nguồn sắt thép nhập khẩu biến động lớn. Lượng sắt thép nhập

khẩu giảm 9,79% so với cùng kỳ 2017. Sắt thép phế liệu nhập khẩu tăng 19,3% về sản lượng và 47,6% so với cùng kỳ 2017.

☞ *Lượng sắt thép của các đơn vị trong nước sản xuất tăng 14,4% so với cùng kỳ 2017.*

Sản lượng sắt thép từ các doanh nghiệp đưa ra thị trường tăng 23,4% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, sản lượng sắt thép xuất khẩu tăng 31,5% so với cùng kỳ 2017. Tốc độ tăng trưởng trong năm khá cao một phần do tình hình chung lượng sản xuất và bán hàng thép cuộn cán nóng của Formosa.

Ngành khai thác cảng được xem là dịch vụ phụ trợ cho nền kinh tế, khi kinh tế phát triển, nhu cầu vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm tăng là động lực chính cho ngành khai thác cảng phát triển. Ngành khai thác cảng biển khai thác container ở Việt Nam chủ yếu hiện nay mới chỉ phát triển ở cảng gom hàng phục vụ vùng kinh tế mục tiêu, hàng hóa sau khi rời cảng sẽ được trung chuyển qua 1 cảng quốc tế khác trước khi lên tàu lớn để vận chuyển đến cảng đích. Các cảng lớn có khả năng khai thác các tuyến quốc tế hiện chưa phát huy được hết công năng và hiệu suất theo định hướng khai thác.

Xu hướng sử dụng các tàu vận chuyển có kích cỡ để giảm chi phí vận chuyển đang diễn ra mạnh mẽ, các đơn vị sản xuất có nhu cầu sử dụng than đá, đơn vị kinh doanh thương mại tăng cường sử dụng phương tiện vận chuyển thủy có kích thước lớn đến 100.000DWT để tối ưu hóa chi phí. Các phương tiện này sử dụng dịch vụ sang mạn ở các phao để chuyển tải sang các phương tiện thủy nội địa. Chính sách phát triển các cảng thủy nội địa hiện nay của chính phủ tạo thuận lợi cho phương thức sang mạn và giảm

chi phí cho các đơn vị nhập khẩu. Xu hướng này tạo nên sự cạnh tranh rất lớn đối với các đơn vị kinh doanh dịch vụ cảng biển nằm sâu trong đất liền như Cảng Đồng Nai.

Việc điều tiết lượng hàng container từ cảng Cát Lái qua các cảng nước sâu khu vực Thị Vải Cái Mép, tránh tình trạng quá tải đối với cơ sở hạ tầng, ách tắc giao thông khu vực cảng Cát Lái làm hoạt động của các ICD có khả năng kết nối giữa đường thủy với các cảng nước sâu sông động hơn, hoạt động kinh doanh của các ICD tăng nhờ vào việc sản lượng vận chuyển và phân phối hàng hóa từ các cảng nước sâu tới thị trường tiêu thụ gần kề trước kia trực tiếp hạ hàng tại cảng Cát Lái.

Trước bối cảnh đó, Ban Điều Hành đã bám sát chỉ đạo và có những thay đổi kịp thời, linh hoạt trong chiến lược phát triển dịch vụ, chiến lược thị trường kinh doanh nhằm đưa hoạt động sản xuất kinh doanh về đúng quỹ đạo và mục tiêu sau cùng là hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận do HĐQT và ĐHĐCĐ đã đề ra trong năm 2018. Cụ thể so với kế hoạch được giao, PDN đã đạt 124% về chỉ tiêu doanh thu và đạt 135,6% về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế.

### Hoạt động kinh doanh của PDN

Đồng Nai là địa bàn có quá trình hội nhập, phát triển công nghiệp sớm và mạnh mẽ ở miền Đông Nam Bộ. Sự hình thành và phát triển của Cảng Đồng Nai đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ trung chuyển hàng hóa đến các nhà máy tọa lạc trong các khu công nghiệp (KCN) của tỉnh nhà. Cảng Đồng Nai có 02 nhánh cảng trực thuộc: Cảng Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu.

## Cảng Long Bình Tân

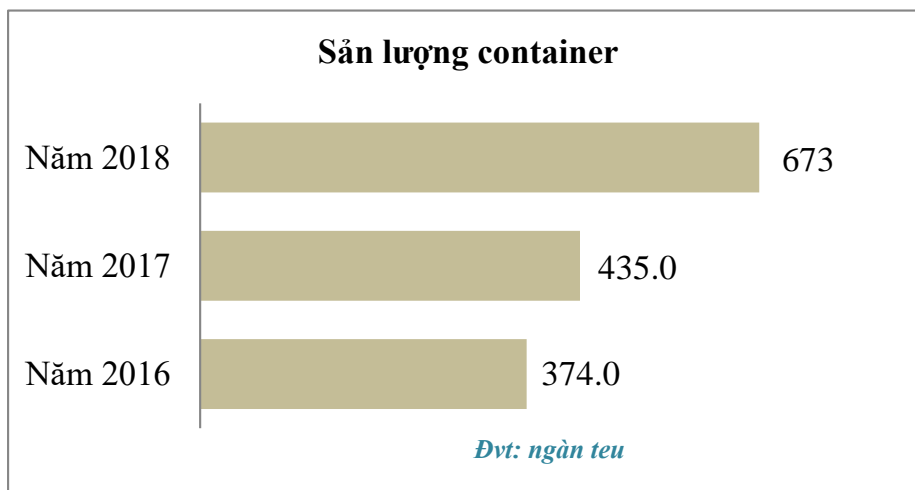
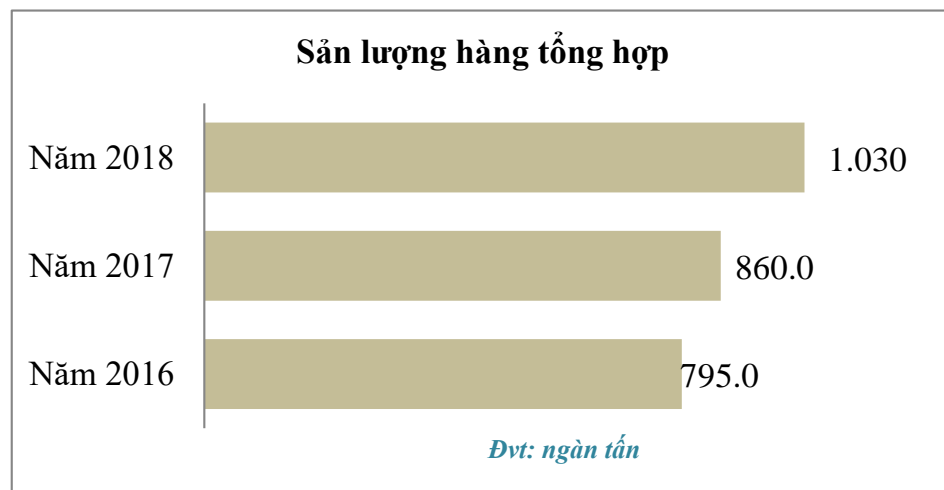
Tọa lạc tại mạng bắc hạ lưu cầu Đồng Nai được xây dựng với tổng chiều dài cầu cảng là 244 m có mực nước trước bến sâu nhất là 8m. Cảng có thể tiếp nhận tàu có tải trọng lên tới 5.000 DWT. Hàng hóa thông qua cảng chủ yếu là container, sắt thép nguyên vật liệu thành phẩm, than đá, vật liệu xây dựng, nông sản chuyên đến các Doanh nghiệp nằm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Lâm Đồng, Bình Thuận.

Cảng Long Bình Tân bắt đầu chuyển đổi công năng sang khai thác hàng container từ cuối năm 2011. Sản lượng thực hiện qua các năm tăng liên tục. Việc tập trung nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao năng suất xếp dỡ hàng hóa, năng suất xếp dỡ cont từ 10 container/giờ vào đầu năm 2018 tới nay đã đạt được trung bình 15 container/giờ. Năng suất hàng tổng hợp thực hiện đạt từ 1.000-5.000 tấn/ngày.

Công ty CP Cảng Đồng Nai đặc biệt quan tâm đến chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Năm 2018 sản lượng hàng tổng hợp thực hiện xếp dỡ qua cảng Long Bình Tân đạt hơn 1,0 triệu tấn thông qua, tăng 19% so với sản lượng năm 2017. Sản lượng tác nghiệp hàng container đạt hơn 673 ngàn teu, tăng 54% so với sản lượng thực hiện năm 2017.

Trong năm 2019, Cảng Long Bình Tân tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc nâng cao chất lượng dịch vụ như: mở rộng và hoàn thiện diện tích kho, bãi, nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ, hoàn thiện quy trình, bộ máy hoạt động để cung cấp chuỗi cung ứng cho khách hàng.

Dự kiến đầu quý 3 năm 2019, PDN hoàn thành đầu tư mở rộng 50m cầu tàu và chính thức đưa vào hoạt động cùng với hệ thống kho bãi hiện hữu, củng cố chất lượng dịch vụ và gia tăng hoạt động trong chuỗi cung ứng logistics.



## Cảng Gò Dầu



Có diện tích 549.400m<sup>2</sup> gồm 06 cầu cảng với tổng chiều dài cầu trên 782m và khả năng tiếp nhận tàu lên đến 30.000DWT, hoạt động chính là xếp dỡ hàng tổng hợp, dịch vụ kho, bãi, hàng hóa thông qua cảng chủ yếu là than đá, nguyên vật liệu để sản xuất vật liệu xây dựng, sắt thép, phân bón và hóa chất.

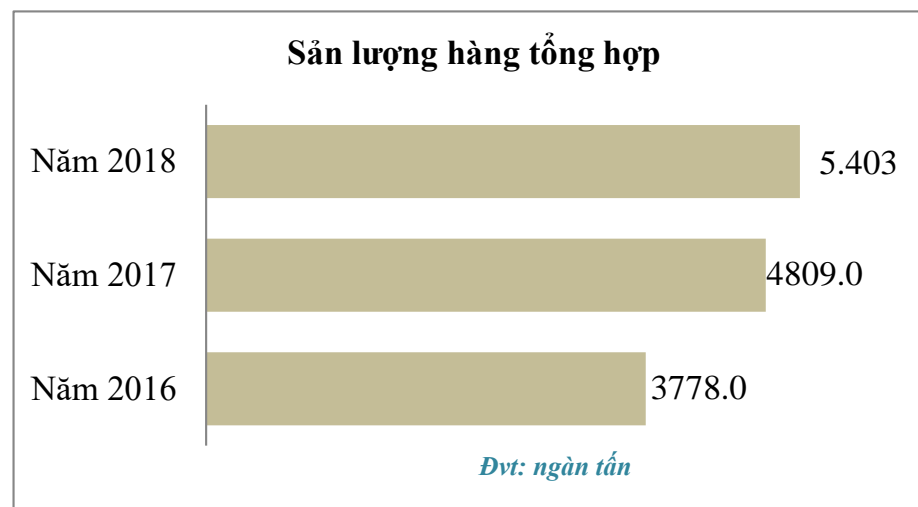
Cơ sở hạ tầng Cảng Gò Dầu cơ bản hoàn thiện, các vấn đề liên quan đến vệ sinh môi trường được cảng quan tâm đầu tư. Hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống thu gom nước thải được đầu tư hoàn chỉnh. Công ty cũng đã đầu tư 03 xe tưới nước, quét đường nhằm giảm thiểu bụi phát tán ra môi trường xung quanh, hướng tới môi trường sản xuất xanh, sạch.

Trong năm, Cảng Gò Dầu đã hoàn thiện việc thi công nâng cấp 02 cầu cảng từ 10.000-15.000 DWT lên 30.000 DWT. Gia tăng hiệu quả sử dụng cầu cảng, nâng cao sản lượng thông qua cảng.

Công tác bố trí sản xuất đạt được hiệu quả, khai thác tối đa hiệu suất của cơ sở hạ tầng hiện hữu. Cảng đã làm việc với các đơn vị cung cấp dịch vụ gia tăng nguồn lực thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất. Công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị được quan tâm, đảm bảo luôn đủ thiết bị cho nhu cầu làm hàng phục vụ khách hàng.

Ngoài lượng hàng từ các khách hàng truyền thống, năm 2018 Cảng Gò Dầu đã đa dạng hóa nguồn hàng và phát triển thêm một số khách hàng với sản lượng tương đối lớn, góp phần tăng sản lượng thông qua tại Cảng Gò Dầu. Tổng sản lượng xếp dỡ thông qua cầu cảng tại Cảng Gò Dầu đạt 5,4 triệu tấn, tăng 12% so với sản lượng thực hiện năm 2017.

Trong năm 2019, PDN dự kiến sẽ hoàn thiện và đưa vào hoạt động thêm 01 bến tàu 30.000 DWT (bến B5) và các thiết bị kèm theo để tập trung khai thác nguồn hàng mới tại KCN Nhơn Trạch, KCN Long Thành, các KCN lân cận đáp ứng lượng hàng xếp dỡ thông qua Cảng ngày càng gia tăng, giảm thiểu chi phí, thời gian cho khách hàng khi sử dụng các dịch vụ tại PDN.



### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch giao	Kết quả đạt được	Tỷ lệ % So với kế hoạch	Tỷ lệ % So với cùng kỳ 2017
1	Tổng doanh thu	Tr đồng	540.000	670.953	124,3	127,8
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	81.900	111.089	135,6	145,2
3	Cổ tức dự kiến	%	30	35	116,7	116,7
4	Lãi cơ bản trên CP	đ/cp	-	7.885	-	145,6
5	Tổng vốn đầu tư XDCB	Tr đồng	82.687	70.305	85	84,7

### Doanh thu

Trong năm 2018, tổng doanh thu toàn công ty đạt **670.953** triệu đồng, vượt **24%** so kế hoạch được giao, tăng trưởng **27,7%** so với năm 2017. Các mảng kinh doanh của công ty đều có mức tăng trưởng cao, trong đó:

Doanh thu từ mảng khai thác hàng tổng hợp (bao gồm doanh thu xếp dỡ hàng tổng hợp, doanh thu bãi và kho hàng) đạt **336.635** triệu đồng, tăng **10%** so với năm 2017, chiếm **51%** trong cơ cấu doanh thu

Doanh thu từ mảng khai thác container-Kho vận logistics đạt **328.635** triệu đồng, tăng **55%** so với năm 2017, chiếm **49%** trong cơ cấu doanh thu. Đây là mảng kinh doanh được đưa vào hoạt động từ cuối năm 2011, cho đến nay có mức tăng trưởng tốt.

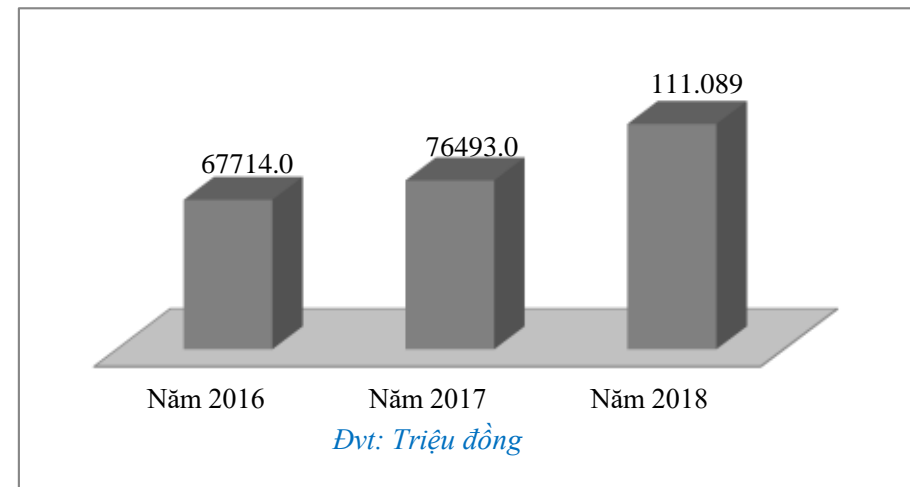
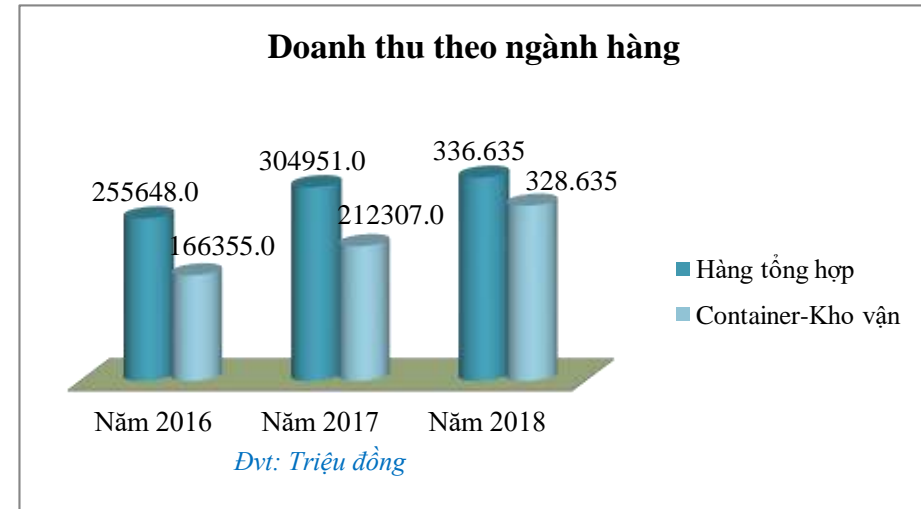


Nhìn chung, mô hình kinh doanh khai thác của PDN còn mang tính truyền thống thuần túy, chưa tiếp cận được nhiều với nhu cầu trong chuỗi cung ứng của khách hàng. Bên cạnh đó, tốc độ đầu tư trang thiết bị đang được triển khai tích cực nhưng vẫn chưa đáp ứng sự phát triển của thị trường.

Cơ sở hạ tầng giao thông đã được đầu tư nhằm rút ngắn thời gian vận chuyển đường bộ từ các KCN ở Đồng Nai đến các cảng nước sâu, điều này làm giảm giá trị chuỗi vận chuyển bằng sà lan mà công ty đang cung cấp, gây ảnh hưởng đến hoạt động của PDN.

### Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt **111.089** triệu đồng, vượt **35,6%** so với kế hoạch và tăng trưởng **45%** so cùng kỳ năm 2017.



## 2. Tổ chức và nhân sự

### Thành viên Ban điều hành

#### **ÔNG NGUYỄN NGỌC TUẤN**

*Tổng giám đốc*



**1995 – 1996** Nhân viên Điều độ Phân Cảng Gò Dầu – thuộc Cảng ĐN

**1996 – 04/1998** Cán bộ phụ trách Thương vụ Cảng Đồng Nai

**04/1998 – 12/1998** Cán bộ phụ trách phòng Thương vụ Cảng Đồng Nai

**12/1998 – 2000** Phó phòng Thương vụ Cảng Đồng Nai

**2000 – 2005** Trưởng phòng khai thác thương vụ Cảng Đồng Nai

**2006 – 08/2007** Thành viên HĐQT, Trưởng phòng khai thác – Điều độ Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

**09/2007 – 08/2009** Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai

**09/2009 – 2/2012** trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Khai thác container Công ty CP Cảng Đồng Nai

**3/2012 – 3/2016** Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Kinh doanh Công ty CP Cảng Đồng Nai

**03/2016 – Nay** Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai

☞ *Tỷ lệ sở hữu cổ phần do Công ty phát hành (cá nhân): 0,456%*

## **ÔNG ĐỖ VĂN SÂM**

*Phó Tổng giám đốc*



**1982 – 1989** Cán bộ kỹ thuật Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai

**1989 – 1996** Cán bộ kỹ thuật Cảng Đồng Nai

**1997 – 2000** Trưởng phòng Kế hoạch-Kỹ thuật Cảng Đồng Nai

**2000 – 2005** Phó Giám Đốc Cảng Đồng Nai

**2006 – 6/2010** Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai

**7/2010 – 3/2016** Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật và nội chính Công ty CP Cảng Đồng Nai

**3/2016 – Nay** Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai

☞ *Tỷ lệ sở hữu cổ phần do công ty phát hành (cá nhân): 0,46%; đại diện Tổng Công ty CP Phát triển KCN 10%*

## **ÔNG TRẦN VĂN NGUYỄN**

*Phó Tổng giám đốc*



**Từ 1999 – 2001** Nhân viên Công ty XD GT Sài Gòn

**Từ 2001 – 2003** Nhân viên Công ty TNHH TV XD Việt Hưng

**Từ 2003 – 2010** Trưởng BQL Dự án Khu quản lý đường bộ - đường thủy Đồng Nai

**Từ 2010 – 2015** Trưởng BQL Dự án Tổng Công ty CP Phát triển KCN

**Từ 01/2016 - 04/2018** Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai

**Từ 04/2018 đến nay** Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai

## **ÔNG HUỖNH NGỌC TUẦN**

*Kế toán trưởng*



**06/1995 – 09/2005** nhân viên kế toán, xuất nhập khẩu Công ty May Công nghiệp Đồng Nai


**10/2005 – 11/2006** nhân viên kế toán Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai

**12/2006 – 27/04/2011** Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai

**28/04/2011 – 10/2011** Thành viên HĐQT, Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai

**10/2011 – 12/2015** Thành viên HĐQT, Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP Cảng Đồng Nai

**12/2015 – Nay** Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, Người đại diện công bố thông tin Công ty CP Cảng Đồng Nai

 *Tỷ lệ sở hữu cổ phần do công ty phát hành (cá nhân): 0,02%; đại diện Tổng Công ty CP Phát triển KCN 10%*

### **Sự thay đổi trong Ban điều hành**

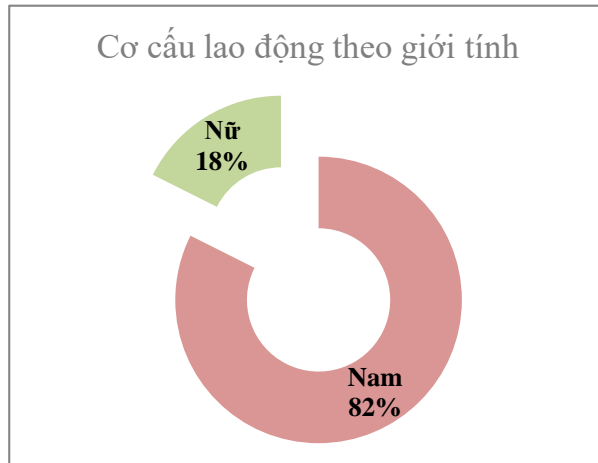
Trong năm 2018, HĐQT đã ban hành Nghị Quyết số 55/2018/NQ-HĐQT ngày 15/11/2018 về việc:

**1-** Tái bổ nhiệm Ông Trần Văn Nguyên giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 06/01/2019 đến hết nhiệm kỳ của HĐQT giai đoạn 2016 - 2020.

**2-** Tái bổ nhiệm Ông Huỳnh Ngọc Tuấn giữ chức vụ Kế toán trưởng từ ngày 24/12/2018 đến hết nhiệm kỳ của HĐQT giai đoạn 2016 - 2020.

## Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2018, tổng số lao động của PDN là 267 người, phân theo cơ cấu như sau:



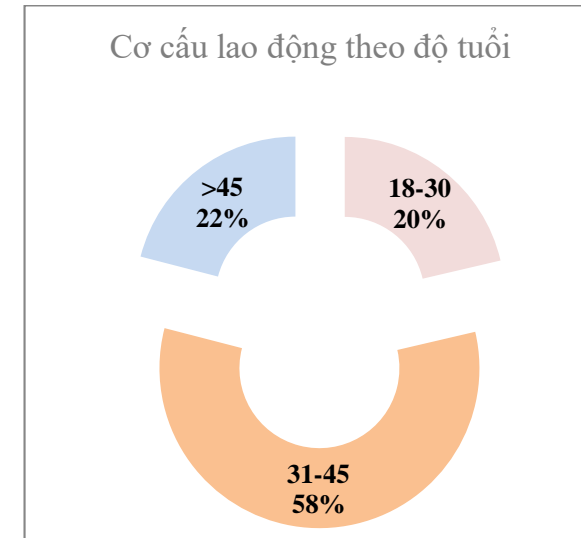
☞ **Cơ cấu lao động:** PDN hiện đang sở hữu một nguồn nhân lực quý báu luôn tâm huyết và gắn bó cùng Công ty, có cấu trúc nhân sự 59% đạt trình độ đại học và trên đại học, 78% ở độ tuổi dưới 45. Lực lượng lao động ổn định với tỷ lệ thôi việc hàng năm rất thấp chính là một điểm sáng về nguồn lực, tạo tiền đề thuận lợi cho chiến lược phát triển của Công ty trong những năm sắp tới.

### ☞ **Quan hệ lao động:**

Tất cả CB-CNV đều được ký hợp đồng lao động và được đảm bảo quyền lợi theo như quy định của Bộ luật lao động hiện hành

Thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, thang bảng lương được đăng ký đầy đủ với cơ quan quản lý lao động và được cập nhật khi các chính sách của Nhà nước thay đổi.

Tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.



### ☞ **Tổ chức công đoàn PDN:**

Luôn là nhịp cầu nối hiệu quả giữa Công ty và người lao động, tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty các chính sách chăm lo đời sống và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho CB-CNV, đồng thời cũng là kênh tiếp nhận các ý kiến, thắc mắc của CB-CNV chuyển lên Công ty để có các đề xuất giải pháp và xử lý hợp tình hợp lý cho cả Công ty và người lao động.

Các thành viên BCH Công đoàn được phân công nhiệm vụ cụ thể theo từng lĩnh vực hoạt động của Công ty để đảm bảo tất cả người lao động của Công ty đều được quan tâm đầy đủ và sát sao.

### **Chính sách đối với người lao động**

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, yếu tố con người luôn được PDN chú trọng đầu tư. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức thu nhập hấp dẫn, PDN luôn tạo môi trường làm việc năng động, sáng

tạo nhằm khai thác tối đa năng lực của CB-CNV, góp phần vào sự thành công của PDN.

PDN cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về chế độ, chính sách đối với người lao động như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, chế độ nghỉ phép, chế độ nghỉ dưỡng sức - phục hồi sức khỏe v.v... Ngoài ra, PDN còn áp dụng một số chế độ, chính sách riêng nhằm thu hút, thúc đẩy và tạo sự gắn bó lâu dài của Người lao động với PDN như: Chế độ trợ cấp khó khăn thường xuyên và đột xuất, chế độ du lịch, thăm quan, nghỉ mát, chế độ khám sức khỏe định kỳ...

PDN xây dựng các chính sách về khen thưởng, quy định trả lương, quy định đào tạo nhằm khuyến khích, thu hút nguồn nhân sự chất lượng cao, tạo điều kiện cho nhân sự mới gia nhập PDN thể hiện được bản thân, phát huy hết những năng lực, kinh nghiệm sẵn có và thăng tiến trong công việc.

Việc xây dựng và ban hành áp dụng bộ tiêu chuẩn năng lực các vị trí giúp người lao động có được cơ hội chủ động trong việc phát triển năng lực bản thân và thăng tiến trong công việc. PDN chủ động trong việc đào tạo, nâng cao năng lực nguồn nhân sự.

### Phát triển nguồn nhân lực

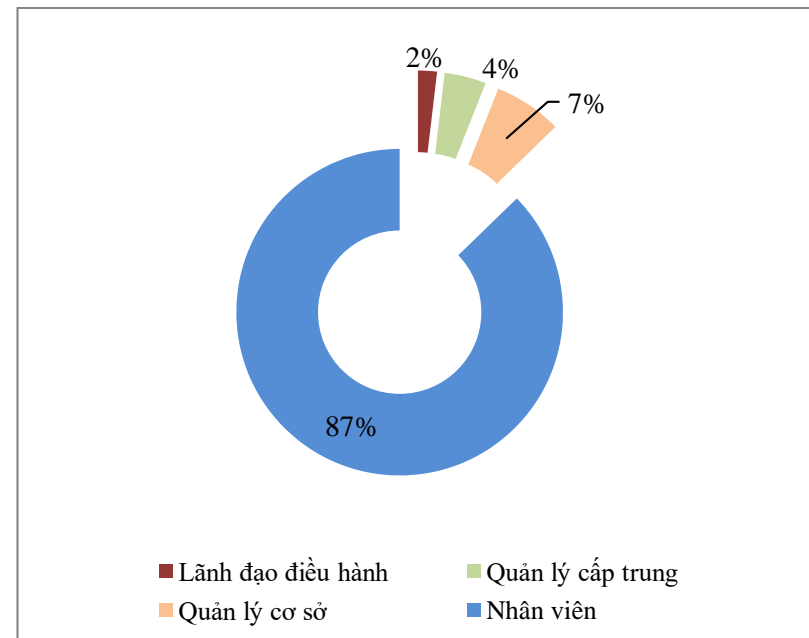
Con người là nguồn lực quan trọng quyết định sự thành công của PDN. Chính vì vậy, Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ, năng động, tâm huyết với nghề, gắn bó với công ty.

Người lao động tại PDN đều được đối xử công bằng trong đ

ngộ, đề bạt, khen thưởng theo kết quả công việc, khuyến khích tư duy sáng tạo, đột phá để tạo nên sự khác biệt trong sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, chất lượng nguồn nhân lực luôn được công ty quan tâm thông qua chất lượng tuyển dụng song song với các chương trình huấn luyện chuyên sâu nhằm phục vụ kịp thời cho nhu cầu phát triển trong tương lai gần.

Trong năm 2018, PDN đã thực hiện các chương trình đào tạo lớn cho toàn công ty như đào tạo Tiếng Anh cho CB-CNV, chương trình đào tạo quản lý và khai thác cảng ở nước ngoài cho các cán bộ quản lý phụ trách khối cảng, chương trình kỹ năng mềm, chương trình chuyên sâu, v.v...



Trong thời gian tới, nhiều dự án đang và sẽ tiếp tục đi vào hoạt động, việc tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Do vậy, PDN sẽ tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo, huấn luyện, nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm cho CB-CNV thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu và đa dạng.

Năm 2018 công tác nhân sự của PDN tập trung chủ yếu vào 2 mục tiêu chính:

#### ☞ Nâng cao năng lực nhân sự

Xây dựng, bổ sung, điều chỉnh các quy trình, quy chế làm việc, phối hợp các bộ phận, đơn vị, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn năng lực cho tất cả các vị trí, chức danh của Công ty.

Tăng cường công tác giám sát và thực thi các biện pháp chế tài nhằm nâng cao ý thức tuân thủ, tinh thần tự giác và phối hợp trong công việc của người lao động trong Công ty.

Tập trung đào tạo các năng lực, kỹ năng, chuyên môn cốt lõi cho đội ngũ quản lý, bán hàng và trực tiếp sản xuất.

Xây dựng danh sách quy hoạch cán bộ nhằm chủ động trong công tác cán bộ, đáp ứng nguồn nhân sự kế thừa trong các giai đoạn sắp tới.

#### ☞ Nâng cao năng suất lao động

Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm phát triển bền vững nguồn nhân lực thông qua tổng hòa các yếu tố vật chất và phi vật chất theo nguyên tắc thu nhập phải gắn với hiệu quả công việc, năng suất lao động và chính sách thu nhập không cào bằng mà sẽ

tập trung hướng đến các nhân sự có đóng góp quan trọng cho sự phát triển của Công ty, thực hiện tái cấu trúc nguồn nhân lực, tinh giảm lao động phổ thông thay bằng lao động thuê ngoài để đảm bảo thu nhập tốt nhất cho người lao động. Bên cạnh đó, PDN cũng đã thực hiện tốt các chính sách phúc lợi, bảo hiểm phù hợp để thu hút và giữ chân nguồn nhân sự tốt, lành nghề, nhiệt tình đóng góp vào sự phát triển chung của PDN.

☞ Hoàn thiện các chính sách nhân sự và cải thiện môi trường làm việc tạo động lực tích cực

Rà soát và bổ sung, điều chỉnh các chính sách, quy định nhân sự như: Nội quy lao động, quy định trả lương, quy định quản lý phép v.v... nhằm tạo một môi trường làm việc động lực, công bằng, bình đẳng, tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội đóng góp và được ghi nhận, khen thưởng xứng đáng.

Thực hiện tốt các chế độ, chính sách phúc lợi cho người lao động như: tổ chức tham quan nghỉ mát cho người lao động, tổ chức các hoạt động văn hóa nhân kỷ niệm ngày thành lập công ty (ngày hội gia đình Cảng Đồng Nai), tổ chức khám sức khỏe định kỳ với nhiều danh mục ngoài quy định, tổ chức các đợt sinh hoạt tập thể, teambuilding, tổ chức các chương trình văn hóa văn nghệ, thể thao ...

Trong năm 2019 và những năm tiếp theo, cùng với sự lớn mạnh, mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động của PDN, nhiều dự án đang và sẽ tiếp tục đi vào hoạt động, việc tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo,

tập huấn, nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm cho CB-CNV thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo bởi các tổ chức chất lượng và uy tín.







DOANH NGHIỆP

vì

NGƯỜI

LAO ĐỘNG

2018



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI



### 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

#### Tình hình thực hiện các dự án lớn trong công ty

##### Khu vực Long Bình Tân

PDN đã triển khai thực hiện các dự án như:

##### ☞ **Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 1 (3,0ha)**

- Tổng mức đầu tư: 126,8 tỷ đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
- Giá trị đầu tư từ khi bắt đầu khởi công Dự án: 113,2 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện dự án: năm 2012 đã đưa vào khai thác chính thức

##### ☞ **Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2A (9,18ha)**

- Mục tiêu của dự án: Đầu tư xây dựng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2
- Tổng mức đầu tư: 438,5 tỷ đồng
- Giá trị đầu tư từ khi bắt đầu khởi công Dự án: 191,1 tỷ đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
- Tiến độ thực hiện:
  - Năm 2014: Đã hoàn thành công tác đê bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng được 5ha/9,18ha
  - Năm 2015: Hoàn thành công tác đê bù, giải phóng mặt bằng; Đầu tư xây dựng đường bãi, nhà kho, kè bảo vệ bờ, các công trình hạ tầng kỹ thuật
  - Năm 2016: Đầu tư san lấp mặt bằng phần diện tích còn lại (4ha/9,18ha) xây dựng bãi, nhà kho, kè bảo vệ bờ, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng

- Năm 2017: Đầu tư hoàn thiện mặt bãi 3ha và tiếp tục san lấp bãi diện tích 0,5ha.
- Năm 2018: Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng (hệ thống thoát nước chung)

##### ☞ **Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2B (5,53ha)**

- Đang chờ được cấp giấy chứng nhận đầu tư
- Giá trị đầu tư từ khi bắt đầu khởi công Dự án: 5,9 tỷ đồng
- Giá trị đầu tư năm 2018: 0,4 tỷ đồng
- Tiến độ Dự án:
  - Năm 2017: Triển khai san lấp mặt bằng 1,2ha
  - Năm 2018: Đang chờ hoàn thành đê bù giải phóng mặt bằng

##### ☞ **Mở rộng Cảng Đồng Nai Giai đoạn 1 (5,6ha)**

- Tổng mức đầu tư: 32,4 tỷ đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
- Giá trị đầu tư từ khi bắt đầu khởi công Dự án: 93,3 tỷ đồng
- Giá trị đầu tư năm 2018: 4,9 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện Dự án:
  - Năm 2003 bắt đầu đưa vào khai thác chính thức
  - Năm 2009 đầu tư nâng cấp bến 2.000DWT lên 5.000DWT và bãi container Long Bình Tân
  - Năm 2018 đầu tư cầu cảng số 2 mở rộng và nâng cấp bãi container Long Bình Tân

##### ☞ **Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 3**

Công ty đang triển khai thủ tục xin giới thiệu địa điểm, đang chờ quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung TP Biên Hòa.

Ngoài các dự án nêu trên, nhằm tối ưu hóa khả năng khai thác, tăng năng suất, nâng cao doanh thu và lợi nhuận, PDN đã triển khai “Thi công cầu chính liên kết và mở rộng 2 cầu cảng số 2 và cầu cảng số 3 và phần mở rộng sau cầu cảng số 3 tại khu vực Cảng Long Bình Tân”. Việc liên kết cầu cảng số 2 và số 3 tại Cảng Đồng Nai thành một tuyến liên tục sẽ giúp tăng khả năng lưu thông cho các phương tiện vận tải, giải phóng hàng hóa, không ảnh hưởng tới quá trình khai thác, đồng thời giải quyết được các vấn đề cơ bản:

- Cầu cảng quá tải, không đáp ứng được lượng hàng hóa trung chuyển đến các nhà máy và ngược lại.
- Gia tăng sản lượng xếp dỡ thông qua Cảng, góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận cho Cảng.
- Giữ chân được các khách hàng thân tín và cạnh tranh, thu hút được thêm lượng khách hàng mới từ các bến cảng lân cận như Cảng Long Bình, Cảng Bình Dương. v.v...



## Khu vực Gò Dầu

### ☞ **Dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2**

- Tổng mức đầu tư: 318,2 tỷ đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
- Giá trị đầu tư từ khi bắt đầu khởi công Dự án: 89,3 tỷ đồng
- Giá trị thực hiện năm 2018: 12,6 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện:
  - o Bắt đầu đưa Dự án vào khai thác năm từ năm 2015
  - o Năm 2016: Hoàn thành thi công bãi số 4 (diện tích 2,7ha)
  - o Năm 2017: Hoàn thành thi công bãi số 5 (diện tích 4ha) và hàng rào
  - o Năm 2018: Đầu tư hoàn thiện mặt đường và hệ thống thoát nước

### ☞ **Dự án giai đoạn 1 Cảng Gò Dầu B**

- Mục tiêu dự án: điều chỉnh dự án Giai đoạn 1 Cảng Gò Dầu B
- Tổng mức đầu tư: 423,5 tỷ đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
- Giá trị đầu tư từ khi bắt đầu khởi công Dự án: 196,6 tỷ đồng
- Giá trị thực hiện năm 2018: 11,1 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện:
  - o Năm 2015: đưa vào khai thác chính thức bến tàu 30.000DWT (bến B4)
  - o Năm 2016: Đầu tư mua sắm cầu, thiết bị làm hàng cho bến tàu 30.000DWT (bến B4)
  - o Năm 2017: Đầu tư hệ thống điện và trạm biến áp; Đầu tư hoàn thành đường nội bộ; Đầu tư hệ thống PCCC cầu cảng

- o Năm 2018: Đầu tư nâng cấp cầu cảng số 3 (Bến B3) từ 15.000DWT lên 30.000DWT; Mua sắm 01 xe chữa cháy chuyên dụng

### ☞ **Dự án Cảng Gò Dầu khu A**

- Tổng mức đầu tư: 104,2 tỷ đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
- Giá trị đầu tư từ khi bắt đầu khởi công dự án: 86,2 tỷ đồng
- Giá trị thực hiện năm 2018: 0,6 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện dự án:
  - o Năm 2013: Đầu tư nâng cấp đường nội bộ
  - o Năm 2016: Đầu tư hệ thống xử lý nước thải.
  - o Năm 2017: Đầu tư hệ thống PCCC cầu cảng; Đầu tư hoàn thành đường nội bộ
  - o Năm 2018: Đầu tư hoàn thiện đường A6

Năm 2018, Công ty tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống đường bãi, hệ thống thoát nước của cả 02 khu vực (Cảng Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu); tiếp tục đầu tư cầu cảng số 2 mở rộng, đầu tư nâng cấp cầu cảng số 3 (cầu cảng B3) – Cảng Gò Dầu B. Ngoài ra, Công ty đã triển khai đấu thầu thi công 09 gói thầu, tiết kiệm chi phí cho công ty khoảng 03 tỷ đồng.

Riêng khu vực Cảng Gò Dầu, Công ty đã đầu tư hoàn thiện hệ thống đường bãi, hệ thống thoát nước và nâng cấp cầu cảng A3 và B3 tiếp nhận tàu có trọng tải lớn vào khai thác.

### **Tình hình hoạt động và tài chính của các Công ty liên kết**

Công ty CP Cảng Long Thành và Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai là các Công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực xếp dỡ, vận

tải, kinh doanh xăng dầu. Trong năm 2018 kết quả hoạt động của các Công ty như sau:

Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế của Công ty CP Cảng Long Thành lần lượt là **19,637** tỷ đồng (tăng **5,52%** so cùng kỳ) và **7,633** tỷ đồng (tăng **0,29%** so cùng kỳ)

Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế của Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai lần lượt là **69,781** tỷ đồng (đạt **92%** so cùng kỳ) và **1,259** tỷ đồng (đạt **89%** so cùng kỳ)

### **Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ**

Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công Nghiệp: nắm giữ số lượng **6.297.480** cổ phần (chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ của PDN).

### **Tình hình đầu tư dài hạn vào Công ty khác**

PDN đã đầu tư **7.000.000.000** đồng vào Công ty CP Sonadezi Châu Đức, địa chỉ: Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đvt: Triệu đồng

#### 4. Tình hình tài chính

Phân tích các chỉ tiêu tài chính



Chỉ tiêu	Năm X - 1	Năm X	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	845.327	845.988	100,01
Doanh thu thuần	517.500	666.518	128,79
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	83.694	123.098	147,08
Lợi nhuận khác	1.320	280	21,21
Lợi nhuận trước thuế	85.014	123.378	145,12
Lợi nhuận sau thuế	76.493	111.089	145,22

#### Kết quả sản xuất kinh doanh của các hoạt động kinh doanh chính

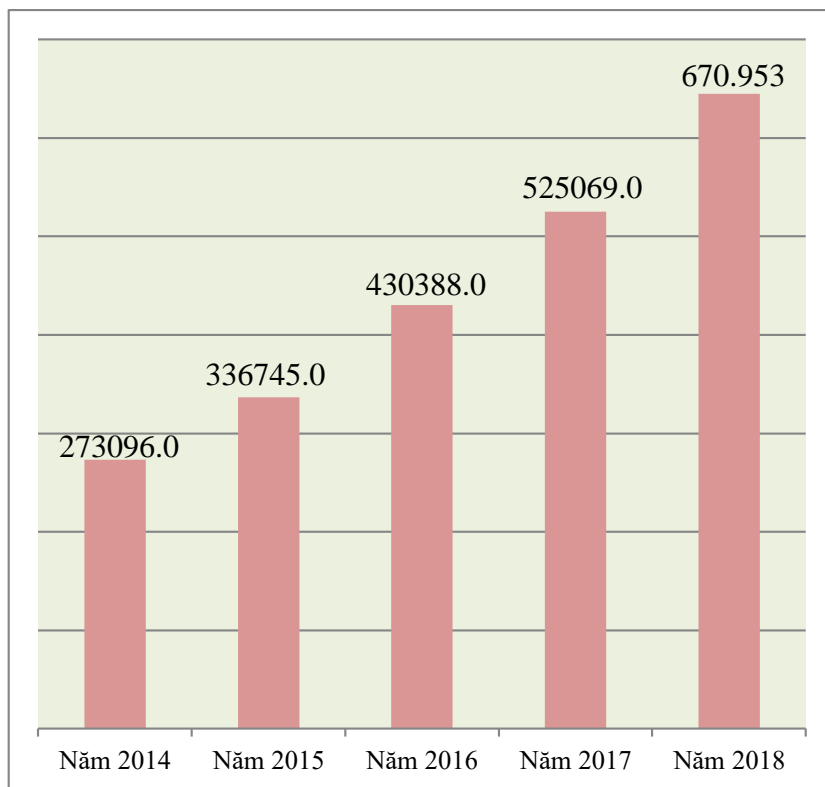
Tốc độ tăng doanh thu từ năm 2014 đến năm 2018 là 19,7%, với mục tiêu kinh doanh mang lại hiệu quả tốt, kết quả lợi nhuận gộp cũng có mức tăng trưởng tương ứng với CAGR là 19,6%. Năm 2018, lợi nhuận gộp của PDN là 123,378 tỷ đồng, vượt 45% so cùng kỳ 2017 đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của PDN là khai thác cảng và logistics.

Kết quả kinh doanh	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	CAGR
Tổng doanh thu	273.096	336.745	430.388	525.069	670.953	19,7%
Doanh thu thuần	270.101	322.426	421.920	517.499	666.518	19,8%
Giá vốn hàng bán	170.213	214.472	287.688	365.102	467.153	22,4%
Tổng lợi nhuận	50.322	54.010	71.438	85.014	123.378	19,6%

### TỔNG DOANH THU

↑ 19,7%

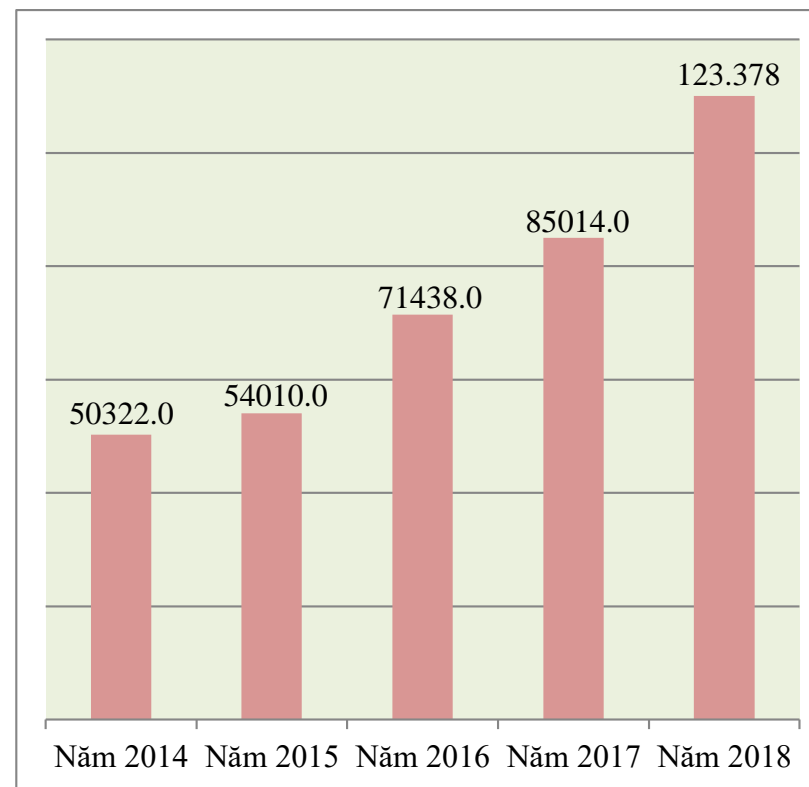
Tăng trưởng bình quân



### LỢI NHUẬN GỘP

↑ 19,6%

Tăng trưởng bình quân



*Đvt: Triệu đồng*

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu



Chỉ tiêu	Năm X - 1	Năm X	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	<b>1,01</b>	<b>1,22</b>	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	<b>0,51</b> <b>1,03</b>	<b>0,45</b> <b>0,80</b>	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản	<b>61,2</b>	<b>78,8</b>	Hoạt động SXKD của PDN chủ yếu là cung cấp dịch vụ, nên chỉ tiêu hàng tồn kho không đáng kể
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần .....	<b>0,15</b> <b>0,18</b> <b>0,09</b> <b>0,16</b>	<b>0,17</b> <b>0,24</b> <b>0,13</b> <b>0,18</b>	



## 5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Trải qua 30 năm hình thành và phát triển, đến nay PDN được biết đến như một địa điểm lợi thế trong việc trung chuyển hàng hóa của tỉnh Đồng Nai. Có thể khẳng định thành quả đáng ghi nhận này được đúc kết từ sự ủng hộ của các cơ quan hữu quan, sự hợp tác quý báu của các Cổ đông, các vị đối tác, khách hàng và sự nỗ lực, phấn đấu của tập thể CB-CNV trên nền tảng kiên định theo đuổi chính sách phát triển bền vững của Công ty.

Sự tồn tại và không ngừng phát triển của PDN được bồi đắp trên nền tảng vững chắc, đó chính là tinh thần tiên phong, khát vọng vươn xa, tâm huyết và nỗ lực của tập thể và trên hết là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các bên hữu quan. Trên cơ sở đó, PDN luôn chú trọng việc thực hiện các tuyên bố về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, tích cực chung tay bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất, chăm lo đời sống CB-CNV, đồng thời chung tay chia sẻ vì cộng đồng thông qua các hoạt động thiện nguyện, tương thân tương ái, cứu trợ đồng bào bị thiên tai, các chương trình học bổng, vạn tấm lòng vàng v.v..

Xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển, PDN luôn lấy lợi ích của các bên hữu quan làm kim chỉ nam cho mọi quyết sách và hành động. Hướng đến tương lai, PDN không ngừng theo đuổi chính sách phát triển bền vững nhằm gia tăng lợi ích mang lại cho cổ đông, khách hàng, đối tác, cộng đồng - xã hội, phát huy giá trị doanh nghiệp, từ đó góp phần tích cực vào sự phát triển chung của đất nước.

### Các hoạt động về phát triển bền vững

Trước diễn biến kinh tế thế giới hội nhập ngày càng sâu rộng, sự phát triển của khoa học công nghệ, biến đổi khí hậu và tài nguyên thiên nhiên dần cạn kiệt, sự thay đổi về cơ cấu và đặc điểm của nguồn nhân lực, sự phát triển bền vững ngày càng trở nên một mục tiêu trọng yếu của mọi doanh nghiệp. PDN luôn đề cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, xây dựng chính sách phát triển bền vững đi kèm những hành động cụ thể xuyên suốt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2019 và những năm tiếp theo, PDN tiếp tục phát huy chính sách phát triển bền vững trên nhiều lĩnh vực, bao gồm:

- ☞ Củng cố và phát huy môi trường làm việc hiệu quả, nơi mỗi CB-CNV được đối xử công bằng, bình đẳng, có thu nhập ổn định ở mức cao trong ngành, được chăm lo đời sống và phúc lợi
- ☞ Đề cao văn hóa và những giá trị cốt lõi của doanh nghiệp: Tinh thần tiên phong, chuyên nghiệp; đoàn kết, cống hiến trong công việc; tận tâm với đồng nghiệp, khách hàng, đối tác; chia sẻ cùng cộng đồng
- ☞ Đảm bảo chế độ đãi ngộ và phúc lợi phù hợp để thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng; khuyến khích tinh thần nỗ lực phấn đấu, cầu thị, sáng tạo, phát huy tối đa năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể
- ☞ Chú trọng bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội
- ☞ Thực hiện các các chương trình tương thân tương ái, hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, người có hoàn cảnh khó khăn, trẻ mồ côi,

người tàn tật, cơ nhỡ, sinh viên nghèo hiếu học, tài trợ cho hoạt động y tế thiện nguyện, v.v...

Trong những năm qua, các dự án đầu tư và mở rộng cảng đều được đánh giá tác động môi trường, thiết kế và xây dựng theo hướng tiết kiệm năng lượng, hạn chế tối đa những tác hại gây ra đối với môi trường

### Các giải pháp quản lý, tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu

Chi phí nhiên liệu, năng lượng chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu chi phí của Công ty. Chính vì thế, PDN luôn chú trọng kiểm soát chặt chẽ việc tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng nhằm giảm chi phí, gia tăng hiệu quả hoạt động. Đồng thời, sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng là góp phần bảo vệ môi trường sống và tài nguyên thiên nhiên. Công tác kiểm soát tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng được PDN triển khai thường xuyên, liên tục ở mọi mặt của hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng nhiều hình thức, bao gồm nhưng không giới hạn:

- ☞ Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của cơ quan cấp điện, nước
- ☞ Đầu tư lắp đặt các thiết bị điện hiện đại với độ ổn định cao, thay thế các thiết bị điện cũ, giảm thiểu tiêu hao năng lượng không cần thiết
- ☞ Lắp đặt các trạm biến áp để giảm tiêu thụ nhiên liệu chạy máy phát
- ☞ Sử dụng phần mềm quản lý container tại bãi container (CY) và Depot, hạn chế đảo chuyển container để giảm tiêu thụ nhiên liệu cho xe nâng; phần mềm quản lý tiêu thụ nhiên liệu cho phương tiện, thiết bị

☞ Ứng dụng phần mềm tiên tiến quản lý tiêu thụ nhiên liệu cho phương tiện, thiết bị

☞ Thực hiện bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa, nâng cấp phương tiện, đảm bảo hoạt động đúng tiêu chuẩn của nhà chế tạo

☞ Thay bóng đèn dây tóc hay Compact bằng bóng đèn công nghệ LED để vừa tăng độ sáng, tiết kiệm điện năng và có độ bền cao

☞ Theo dõi hàng ngày đồng hồ đo đếm điện tại từng khu vực để kiểm soát điện năng nhằm mục đích ngăn chặn các bất thường xảy ra (nếu có)

☞ Sử dụng tole lấy ánh sáng tự nhiên để giảm việc sử dụng đèn chiếu sáng ban ngày, sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên và các tấm lợp cách nhiệt để đảm bảo độ thông thoáng bên trong công trình

☞ Các bộ phận kỹ thuật kiểm soát các hệ thống phần mềm để tối ưu hóa việc tiết kiệm năng lượng

☞ Bảo trì hệ thống cơ điện tuân thủ theo kế hoạch bảo trì định kỳ hàng năm đã được phê duyệt và tuân thủ theo những khuyến cáo của nhà sản xuất nhằm đảm bảo máy móc hoạt động tốt, ổn định, ít hư hỏng và tăng tuổi thọ thiết bị

☞ Điều chỉnh lịch đóng/ngắt hệ thống điều hòa không khí, đèn chiếu sáng, quạt thông gió, các thiết bị sử dụng năng lượng thông qua hệ thống quản lý tập trung

☞ Tách các line đèn, line quạt, quy hoạch khu vực chức năng và lập trình điều khiển đèn, quạt ở một số khu vực chức năng sao cho tối ưu hóa trong việc sử dụng điện

☞ Theo dõi các đồng hồ đo đếm điện hàng ngày nhằm kiểm soát hoạt động của các khu vực và xử lý những bất thường xảy ra nếu có

☞ Chỉ đạo quyết liệt và đồng tình của Ban lãnh đạo công ty, lãnh đạo các phòng ban, đơn vị và ý thức tiết kiệm năng lượng của từng nhân viên trong công ty

### Hệ thống nước cấp và nước thải:

☞ Theo dõi đồng hồ đo đếm nước cấp hàng ngày nhằm hạn chế và ngăn chặn các bất thường xảy ra (nếu có)

☞ Nước mưa trên mái các công trình được ống dẫn dẫn vào bể nước PCCC ngầm, vừa phục vụ cho hệ thống PCCC vừa cung cấp nước tưới cây, v.v...

☞ Việc xử lý nước thải, chất thải được nghiêm chỉnh thực hiện theo luật bảo vệ môi trường và quy định của các cơ quan chức năng

☞ Để các hệ thống được vận hành tốt nhất, công tác vệ sinh công rãnh, nạo vét được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch định kỳ hàng năm đã được phê duyệt

☞ Ký hợp đồng với các đơn vị chuyên nghiệp thu gom chất thải lỏng lẫn dầu để xử lý đúng theo quy định của các cơ quan chức năng

### Bảo vệ môi trường – An toàn lao động - An ninh – PCCC

PDN thiết lập cơ chế kiểm soát dưới sự giám sát của bộ phận quản lý rủi ro và các phòng ban chức năng tại mỗi đơn vị nhằm đôn đốc, nghiêm chỉnh thực hiện các quy định về an toàn trong

lao động, vận hành cảng biển, hàng hải, PCCC, xử lý chất thải, nước thải phù hợp theo quy định, sử dụng tiết kiệm nhiên/ nguyên liệu trong quá trình vận hành thiết bị, khai thác tàu, trồng cây xanh tạo cảnh quan khang trang, sạch đẹp trong khu vực sản xuất

Ký hợp đồng thuê đơn vị chuyên nghiệp thu gom quét dọn vệ sinh môi trường trên bãi, kho và tập kết vào các khu vực rác thải riêng; phân loại các loại chất thải sinh hoạt, nguy hại theo từng mục và có dán nhãn rõ ràng để thuận tiện thu gom và xử lý đúng quy định

Hợp đồng với Trung tâm quan trắc môi trường để khảo sát, đo đạc, phân tích các thông số môi trường và lập báo cáo quan trắc môi trường theo định kỳ

Ký hợp đồng với công ty chuyên về ứng phó sự cố tràn dầu

Ký hợp đồng với công ty chuyên thu gom chất thải lỏng lẫn dầu

Tuân thủ các quy trình về bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh

Hướng đến xây dựng cảng xanh (Eco-Port) trong những năm qua và tiếp tục hoàn thiện trong những năm tới

Sử dụng hiệu quả tài sản, tránh lãng phí thông qua việc thực hành 5S, chuẩn hóa quy trình vận hành, tuân thủ các chỉ tiêu đánh giá và đo lường

Chủ động tối đa trong PCCC

Đối với công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ), tại mỗi đơn vị, Công ty bố trí cán bộ phụ trách an toàn lao động. Cán bộ ATVSLĐ có trách nhiệm hàng ngày phải đi kiểm tra, giám sát, nhắc nhở, đôn đốc việc thực hiện nội quy lao động và quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động mà Công ty đã ban hành; hàng tháng thực hiện báo cáo định kỳ về công tác ATVSLĐ

Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB-CNV

Cấp phát trang bị bảo hộ lao động và đồng phục hàng năm theo quy định

Tổ chức tập huấn về ATVSLĐ hàng năm và theo nhu cầu cho người lao động

Thực hiện báo cáo tổng hợp về tình hình tai nạn lao động đến cơ quan chức năng theo quy định

Phòng ngừa và hạn chế tối đa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)



Năm	Mức lương bình quân
2011	11.240.000
2012	13.640.000
2013	12.520.000
2014	13.190.000
2015	14.110.000
2016	15.572.000
2017	18.018.000
2018	20.192.000

## Chính sách liên quan đến người lao động

### Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật lao động và các quy định của pháp luật.

Môi trường làm việc được thiết kế thoáng mát, thân thiện, lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt

### Chính sách lương thưởng, phụ cấp phúc lợi cho người lao động

#### ☞ Chính sách lương thưởng

Sự thành công của PDN luôn gắn liền với các yếu tố con người. Do đó, lương thưởng cho CB-CNV luôn là mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty. Công ty xây dựng quy chế trả lương dựa trên mức độ phức tạp, đóng góp của từng vị trí công việc đảm bảo tính công bằng và khuyến khích người lao động phát huy hết năng lực bản thân, trả lương cho người lao động đầy đủ và đúng hạn. Chính sách lương thưởng phù hợp và đủ hấp dẫn để giữ chân các cán bộ chủ chốt, người lao động của Công ty cũng như thu hút nhân tài.

#### ☞ Chính sách phụ cấp

Ngoài tiền lương và thưởng, Người lao động ở Công ty còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vào

vị trí công tác, năng lực làm việc, mức độ đóng góp của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty

#### ☞ Các chính sách về phúc lợi cho người lao động

- ✓ Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 & ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 (nhân viên nữ)
- ✓ Ngày quốc tế thiếu nhi 1/6 (con nhân viên dưới 16 tuổi)
- ✓ Sinh nhật nhân viên
- ✓ Nhân viên khi kết hôn hợp lệ
- ✓ Người thân (cha/ mẹ ruột, cha/ mẹ vợ/ chồng, vợ/ chồng, con cái) của nhân viên khi qua đời
- ✓ Nghỉ mát hàng năm cho nhân viên
- ✓ Hỗ trợ nhiên liệu đi lại

Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động teambuilding, văn hóa, văn nghệ, thể thao, ngày gia đình để CB-CNV có cơ hội giao lưu và trau dồi thể chất

#### ☞ Chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực

Với mức thu nhập ổn định, nhiều cơ hội thăng tiến, môi trường làm việc tốt, chính sách về lao động đào tạo nguồn nhân lực luôn được Ban lãnh đạo chú trọng quan tâm nên công ty luôn nhận được sự gắn bó và cống hiến hết mình của toàn thể CB-CNV. Bên cạnh đó, với các chính sách phù hợp này PDN cũng là nơi thu hút được sự quan tâm của các nguồn nhân lực bên ngoài.

Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức **28** khóa huấn luyện đào tạo nghiệp vụ cho **128** lượt CB-CNV tham gia, trong đó bao gồm: Khóa đào tạo căn bản về hợp đồng logistics; Nâng cao năng lực quản trị và tổ chức tài chính; Quản lý khai thác container; Quản trị mua hàng hiệu quả trong Doanh nghiệp; Kỹ năng CSKH và giải quyết khiếu nại; v.v...

☞ Chính sách lương thưởng cho cán bộ nhân viên

Từ tháng 10/2017 đến nay Công ty đã thay đổi và áp dụng cơ chế trả lương xác định tính chất, trách nhiệm và mức độ đóng góp của từng vị trí công việc, công bằng, hấp dẫn, cạnh tranh so với thị trường lao động. Chính sách tiền lương, thưởng dựa vào KPI từng cá nhân nhằm phát huy tối đa sự đóng góp của nhân viên vào mục tiêu hoàn thành kế hoạch kinh doanh cho những năm tiếp theo.

### Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Giai đoạn 2016 – 2020, PDN liên tiếp phát huy những thành quả đã đạt được, vượt qua những khó khăn, thử thách trên bước đường hội nhập, kịp thời nắm bắt những cơ hội tăng trưởng để không ngừng phát triển. Cụ thể trong năm 2018, Công ty đã phát huy chính sách phát triển bền vững trên các khía cạnh:

- Củng cố và phát huy môi trường làm việc hiệu quả
- Đề cao văn hóa và những giá trị cốt lõi của doanh nghiệp
- Xây dựng các chế độ đãi ngộ và phúc lợi phù hợp nhằm thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng, khích lệ tinh thần cống hiến, phát huy tối đa năng lực cá nhân

- Chú trọng trách nhiệm đối với xã hội, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tạo công việc và thu nhập ổn định cho CB-CNV

- Thực hiện công tác xã hội, các chương trình từ thiện hỗ trợ người nghèo v.v...

### Cơ chế tiếp nhận ý kiến từ các bên liên quan

PDN đề cao và tuân thủ các quy định về công bố thông tin của UBCKNN, Sở GDCK TP.HCM và các cơ quan hữu quan. Bên cạnh đó, công ty thường xuyên chủ động cập nhật thông tin hoạt động sản xuất kinh doanh, các cơ hội hợp tác phát triển, những diễn biến mới nhất của ngành, thị trường đến các bên hữu quan trên trang Web của Công ty, các cơ quan truyền thông và các cuộc gặp gỡ trực tiếp

Công ty đồng thời triển khai đa dạng các hình thức để cổ đông, nhà đầu tư và các bên được thông tin đầy đủ, kịp thời về kết quả hoạt động cũng như kế hoạch phát triển của Công ty thông qua Đại hội đồng Cổ đông thường niên, hội thảo, hội nghị, trao đổi qua email, thư tín.

Trong năm 2018, PDN đã tiếp đón các doanh nghiệp đầu tư, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước khảo sát tìm hiểu về công ty, đồng thời tìm kiếm cơ hội hợp tác, đầu tư. Trong các dịp này, các đại diện PDN luôn lắng nghe, thẳng thắn chia sẻ thông tin, giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư. Không dừng lại ở đó, PDN thường xuyên tham dự các buổi gặp gỡ, trao đổi hàng năm, cùng tham gia các hiệp hội kinh doanh, đầu tư do các tổ chức chuyên

nghiệp thực hiện với sự tham dự của đông đảo nhà đầu tư trong và ngoài nước.

PDN luôn tham gia sâu rộng vào công tác truyền thông, đánh giá của các tổ chức uy tín. Thông qua đó, PDN đã được các tổ chức trong nước công nhận những thành quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và những đóng góp tích cực cho xã hội.

Đối với khách hàng, đối tác, công ty thiết lập hệ thống liên lạc thuận tiện nhất đến từng phòng ban, bộ phận và cán bộ phụ trách nhằm đáp ứng tối đa, kịp thời yêu cầu của khách hàng cũng như tiếp thu và phản hồi nhanh chóng những thắc mắc, đề nghị của khách hàng.

Đối với người lao động, Ban lãnh đạo, Ban chấp hành Công đoàn và Phòng Tổ chức Nhân sự của công ty luôn sẵn sàng lắng nghe và trao đổi ý kiến với người lao động thông qua các kênh: Trao đổi trực tiếp, qua điện thoại, email, v.v... Bên cạnh đó, Ban chấp hành Công đoàn của Công ty luôn quan tâm sâu sắc đến đời sống CB-CNV, tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi, thắc mắc của CB-CNV nhằm kịp thời phản ánh đến Ban lãnh đạo công ty. Các ý kiến đóng góp, đề xuất và kiến nghị hợp lý của người lao động luôn được công ty xem xét, giải thích và phản hồi kịp thời giúp cho người lao động an tâm làm việc, tận tâm cống hiến, phát triển bản thân, cũng chính là góp phần tạo nên giá trị bền vững cho công ty.

## Cam kết với các bên liên quan

### 1. Đối với nhà nước

- Tuân thủ các chính sách, pháp luật Việt Nam, quy định của Nhà nước đối với các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
- Thực hiện các nghĩa vụ về thuế và ngân sách Nhà nước
- Thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định

### 2. Đối với cổ đông, nhà đầu tư

- Đảm bảo quyền lợi chính đáng của cổ đông, nhà đầu tư
- Thực hiện các báo cáo và công bố thông tin theo quy định
- Cung cấp thông tin minh bạch và đầy đủ; tạo điều kiện cho cổ đông, nhà đầu tư tìm hiểu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Nỗ lực không ngừng nhằm mang lại những giá trị vững bền cho cổ đông, nhà đầu tư

### 3. Đối với khách hàng, đối tác

- Lấy chất lượng dịch vụ làm trọng tâm phát triển sản xuất, kinh doanh
- Mang đến cho khách hàng, đối tác những giải pháp tối ưu và phù hợp nhất
- Giữ vững các cam kết với khách hàng, đối tác; đảm bảo hợp tác hiệu quả, cùng có lợi

### 4. Đối với cán bộ công nhân viên

- Môi trường làm việc tốt, cơ hội được đào tạo và thăng tiến trong công việc
- Chế độ đãi ngộ phù hợp; chăm lo đời sống CB-CNV
- Khích lệ tinh thần cống hiến, cầu thị, sáng tạo, phát huy tối đa năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể

### 5. Đối với cộng đồng xã hội

- Chia sẻ trách nhiệm xã hội
- Chung tay vì lợi ích cộng đồng

- Tạo thêm công ăn việc làm

- Đóng góp vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

- Góp phần bảo vệ môi trường

### Các danh hiệu tiêu biểu qua các năm



#### Năm 2014:

Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước 05 năm (2010 – 2014) do UBND Tỉnh Đồng Nai trao tặng

Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2013 – 2014 do UBND Tỉnh Đồng Nai trao tặng

Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2014 do UBND Tỉnh Đồng Nai trao tặng



#### Năm 2015:

Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2015 do UBND Tỉnh Đồng Nai trao tặng



#### Năm 2016:

Huân chương lao động hạng nhất do Chủ tịch nước CHXHCNVN trao tặng





### Năm 2017:

Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp Tỉnh đối với 03 cá nhân theo Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 14/07/2017

Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai khen tặng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2016 theo Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 05/04/2017

Đạt giải tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ do Tổng Công ty Sonadezi khen tặng

Giải vô địch bóng đá do Tổng Công ty Sonadezi và Cụm thi đua số 4 tổ chức hưởng ứng phong trào thi đua chào mừng các ngày lễ lớn trong năm và đạt các giải thưởng cao tại Hội thao truyền thống năm 2017

Đạt các giải thưởng: giải nhất phần thi văn nghệ - Doanh nghiệp đoàn kết vui ca; giải nhì phần thi đẩy mạnh văn hóa doanh nghiệp; giải nhì toàn đoàn tại chương trình “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa tiêu biểu xuất sắc” tỉnh Đồng Nai, lần thứ I, năm 2017



### Năm 2018

Doanh nghiệp được bình chọn vào bảng xếp hạng “Doanh nghiệp vì Người lao động” năm 2018 do Tổng liên đoàn Lao động tổ chức xét duyệt.

Tập thể Công ty CP Cảng Đồng Nai được khen tặng: Cờ thi đua xuất sắc và Tập thể lao động xuất sắc theo Quyết định số 1174/ QĐ-UBND, ngày 05 tháng 4 năm 2018.

Phòng Tài chính Kế toán, Cảng Gò Dầu, Phòng Kinh Doanh được khen tặng: Tập thể lao động xuất sắc và nhận Bằng khen UB ND Tỉnh theo Quyết định số 1174/ QĐ-UBND, ngày 05 tháng 4 năm 2018.

01 cá nhân được khen thưởng cấp Nhà nước và 03 cá nhân được khen thưởng cấp Tỉnh



## 1. Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

### Trách nhiệm

Thay mặt Ban Tổng giám đốc, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật của Công ty nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý, thận trọng;

## PHẦN III

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Tổng giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác,

hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Tổng giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 4 năm 2019

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Ngọc Tuấn**

## 2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

### Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

☞ Đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, hiệu quả kinh tế:

Sau gần 30 năm hoạt động cùng với sự phát triển năng động cả chiều rộng lẫn chiều sâu, doanh thu và lợi nhuận của PDN tăng trưởng đều, đặc biệt trong ba năm liền kề vừa qua, các chỉ số tài chính quan trọng đều vượt chỉ tiêu do ĐHCĐ đề ra.

Năm 2018 là năm thứ ba trong kế hoạch phát triển 5 năm giai đoạn 2016 - 2020, PDN tập trung tối đa mọi nguồn lực để đẩy mạnh phát triển 2 mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi là khai thác cảng và dịch vụ logistics.

Đối với hoạt động logistics, năm 2018 có thể nói là năm phát triển bản lề của thị trường Logistics Việt Nam. Với hàng loạt các chính sách quan trọng được ban hành và chính thức có hiệu lực như Quyết định 200 của Thủ tướng Chính phủ, Luật Hàng hải 2015 hay Hiệp định WTO về tạo thuận lợi thương mại (TFA),... tất cả đã tạo cho thị trường logistics Việt Nam sự sôi động hơn bao giờ hết. Và cùng với đó, hoạt động logistics của PDN cũng đã có sự chuyển mình tích cực cả về phạm vi và hiệu quả hoạt động. Không ngừng nỗ lực phát triển dịch vụ đa dạng, tiết kiệm chi phí, tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ thông tin chính là các yếu tố góp phần quan trọng cho sự thành công trong hoạt động logistics của PDN trong năm qua.

Song hành cùng logistics là hoạt động khai thác cảng. Trong năm 2018, với sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường xuất nhập khẩu Việt Nam, hoạt động khai thác cảng của PDN đã gặt hái được

nhiều thành công nhất định, đóng góp quan trọng trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của PDN trong bối cảnh cạnh tranh quyết liệt về giá dịch vụ giữa các cảng cùng khu vực. PDN luôn chủ động tìm kiếm các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ, chuyên nghiệp hóa mọi khâu từ quản trị đến vận hành khai thác, luôn duy trì được sự ủng hộ tốt của các khách hàng hiện hữu, đồng thời phát triển thêm nhiều khách hàng mới, góp phần mạnh mẽ hiện thực hóa chiến lược mở rộng phát triển cảng của PDN tại Đồng Nai. Tổng kết năm 2018, với định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị và sự quản trị điều hành hiệu quả của Ban lãnh Đạo cùng sự quyết tâm, đồng thuận của toàn thể CB-CNV, PDN đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đăng ký với Đại hội đồng Cổ đông.

Với thành quả đã đạt được cùng với tinh thần tiên phong, chủ động nâng cao chất lượng dịch vụ, nỗ lực phát triển khách hàng, thị phần, PDN tin tưởng vào việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và tạo đà tăng trưởng cho các năm tiếp theo trong Tầm nhìn 2020 mà PDN đã đặt ra.

### Những thay đổi và biến động về chiến lược kinh doanh và thị trường

Về mặt thuận lợi, thương hiệu Cảng Đồng Nai đã từ lâu xây dựng được hình ảnh chuyên nghiệp và đáng tin cậy đối với khách hàng, điều này tạo ra thị phần chiếm ưu thế và ổn định trong khu vực. Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ từ Ban lãnh đạo của các cảng biển khu vực phía Nam trong Hiệp Hội Cảng Biển Việt Nam (VPA) kết nối với các cảng nước sâu khu vực Thị Vải trung

chuyển hàng hóa bằng sà lan. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở hạ tầng đường xá từ các khu công nghiệp dẫn đến Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai liên tục được hoàn thiện và nâng cấp, hàng hóa được luân chuyển dễ dàng từ Công ty đến các khu công nghiệp và ngược lại.

Tuy nhiên Công ty hiện tại vẫn đang gặp khó khăn trong việc huy động vốn để thực hiện các dự án tại khu vực Cảng Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu. Đồng thời mức độ cạnh tranh đối với ngành hàng tổng hợp cảng gia tăng khi hệ thống cảng nước sâu tại khu vực Thị Vải – Cái Mép dự thừa công năng dẫn đến chuyển đổi từ khai thác hàng container sang hàng tổng hợp. Bên cạnh những điểm sáng trong bức tranh chung của nền kinh tế 2018, thị trường vẫn còn nhiều biến động và khó khăn.

Giai đoạn non trẻ của ngành và sự hấp dẫn của thị trường logistics đã thu hút và tạo nên sự cạnh tranh gay gắt trong ngành. Tốc độ phát triển hàng năm đạt 16% đến 20%, logistics trở thành một trong những ngành dịch vụ tăng trưởng đều nhất của Việt Nam trong thời gian qua. Cùng với sự mở cửa hội nhập của nền kinh tế, môi trường đầu tư thông thoáng và sức hút từ sự lớn mạnh của các doanh nghiệp trong nước, hoạt động đầu tư thông qua M&A của các doanh nghiệp nước ngoài đã trở nên sôi động và hấp dẫn hơn bao giờ hết.

Trong lĩnh vực khai thác cảng, PDN đã thực hiện thành công việc khai thác triệt để công năng tại hai khu vực Cảng Gò Dầu và Cảng Long Bình Tân, liên kết chặt chẽ với các nhà cung cấp dịch vụ tạo nên một mạng lưới liên kết hỗ trợ mạnh mẽ cho dịch vụ logistics hiện hữu của PDN, nhanh chóng tận dụng tốt những cơ hội, kiên định với chiến lược tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính, năm 2018, PDN đã gặt hái được những thành quả tích cực với sự tăng trưởng ấn tượng, từng bước vươn lên khẳng định vai trò, vị thế quan trọng trong ngành khai thác cảng và logistics ở Việt Nam.

### Phân tích doanh thu, lợi nhuận và chi phí

Kết quả lợi nhuận trước thuế năm 2018 vượt **35,58%** so với kế hoạch, vượt **45,13%** so với năm 2017. Trong năm 2018, PDN đã luôn chủ động nâng cao chất lượng dịch vụ, nỗ lực phát triển khách hàng, thị phần và tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu hoạt động để hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng Cổ đông giao, đồng thời tạo đà cho tăng trưởng trong sản xuất kinh doanh cho các năm tiếp theo

## Phân tích kết quả thực hiện so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước

(Đvt: Triệu đồng)

<b>Nội dung</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>
Doanh thu thuần	421.917	517.500	666.518
Giá vốn hàng bán	287.688	365.102	467.153
Chi phí bán hàng	12.339	15.473	14.699
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.494	38.672	44.389
Chi phí lãi vay	19.485	18.918	21.069
Chi phí tài chính không gồm lãi vay	262	3,6	37,3
<b>Tỷ lệ so với doanh thu thuần</b>			
Doanh thu thuần	100,00%	100,00%	100,00%
Giá vốn hàng bán	68,19%	70,55%	70,08%
Chi phí bán hàng	2,92%	2,98%	2,2%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8,89%	7,47%	6,65%
Chi phí lãi vay	4,62%	3,65%	3,16%
Chi phí tài chính không gồm lãi vay	0,06%	0,001%	0,006%

Năm 2018 do quản lý chí phí hiệu quả, PDN đã đạt được kết quả kinh doanh vượt sự mong đợi, cụ thể:

Về Doanh thu:

Tổng doanh thu thuần cung cấp dịch vụ đạt 666,518 tỷ đồng tăng 28,79% so với năm 2017 nhờ vào việc cải tiến hiệu quả chất lượng hoạt động kinh doanh và khai thác triệt để công năng các bến tàu hiện hữu.

Về Lợi nhuận:

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 111,089 tỷ đồng, tăng 45,22% so với năm 2017 và vượt 35,63% so với chỉ tiêu kế hoạch 2018. Lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch do lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh chính và hiệu quả tích cực từ hoạt động đầu tư vào các công ty liên kết, các chỉ tiêu chi phí đều giảm so cùng kỳ.

### 3. Đánh giá tình hình tài chính

#### Tình hình tài sản

Cuối năm 2018, giá trị tổng tài sản của Công ty là **845.987** triệu đồng, tăng không nhiều so với năm 2017. Trong đó, tài sản ngắn hạn có giá trị **233.877** triệu đồng, chiếm **27,64%** trong cơ cấu tài sản. Các khoản tiền và tương đương tiền chiếm tỷ trọng **17,56%** trong tổng tài sản, đạt **83,55%** so với năm 2017. Các khoản phải thu khách hàng trung bình tăng **21,54%** so với năm 2017. Đến cuối kỳ các khoản này chiếm tỷ trọng **9,13%** trong tổng tài sản.

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ, giá trị hàng tồn kho của Công ty luôn nằm ở mức rất thấp, chiếm **0,04%** trong tổng tài sản.

Giá trị tài sản dài hạn cuối năm là **612.110** triệu đồng tăng **1,74%** so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng **72,35%** trong tổng tài sản, trong đó

phần lớn là tài sản cố định chiếm **46,24%**

#### Tình hình nợ phải trả

Năm 2018 là năm Công ty đẩy mạnh đầu tư và sửa chữa vào các dự án mở rộng và nâng cấp hệ thống cầu cảng, kho bãi, nhà văn phòng. Nguồn vốn được Công ty ưu tiên sử dụng trong thời điểm hiện tại là vốn vay từ bên ngoài do mức độ đòn bẩy tài chính các năm trước ở mức thấp, tổng giá trị vay nợ ngắn hạn và dài hạn là **376.790** triệu đồng, tăng **12%** so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng **44,53%** trong cơ cấu nguồn vốn.

Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng trưởng **12,47%** so cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế TNDN tăng **45,22%** so cùng kỳ do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng tốt

### 4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

PDN luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển và thành công. Do đó, PDN luôn nghiên cứu, cải tiến chính sách quản lý, điều hành nhằm đạt hiệu quả tối ưu, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý, điều hành để tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

#### Cải tiến về cơ cấu tổ chức

PDN đã có những đổi mới về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý điều hành trong năm 2018 như sau:

- ☞ Cử cán bộ chủ chốt trực tiếp tham gia điều hành hoạt động của các Công ty liên kết, mang lại hiệu quả trong việc đầu tư tài chính của Công ty
- ☞ Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nắm bắt và phân tích kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hệ thống các báo cáo nhanh được tích hợp với các phần mềm quản lý
- ☞ Triển khai định hướng quản trị tập trung các hoạt động chức năng hỗ trợ sản xuất kinh doanh như tài chính, nhân sự - tiền

lương, quản lý rủi ro, v.v... để tích hợp, phát huy sức mạnh chung mang lại hiệu quả cao, đúng định hướng chiến lược phát triển chung của PDN và hỗ trợ các đơn vị phát huy lợi thế của PDN để tập trung vào sản xuất, mở rộng kinh doanh

☞ Song song đó, PDN tiếp tục tập trung phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi; quản lý và phát huy tốt hoạt động khai thác cảng và logistics

☞ Xây dựng và phát triển cán bộ nguồn, cán bộ tiềm năng; nghiên cứu các chính sách phúc lợi, bảo hiểm phù hợp để thu hút và giữ chân nguồn nhân sự tốt, lành nghề, nhiệt tình đóng góp vào sự phát triển chung của PDN

### Chiến lược đối với nguồn cung cấp

Mở rộng danh sách các nhà thầu cung cấp dịch vụ vận tải thủy bộ nhằm tạo ra sự linh hoạt, chủ động trong việc lựa chọn dịch vụ vận tải thủy bộ tốt nhất cung cấp cho khách hàng, đồng thời gia tăng khả năng thương lượng chi phí hợp lý với nhà cung cấp dịch vụ, lựa chọn công nghệ phù hợp để đảm bảo khả năng khai thác tối đa hiệu quả của việc đầu tư.

Liên kết và mở rộng chuỗi dịch vụ với các đơn vị có thế mạnh về vận tải để khai thác thêm thị trường không phải thế mạnh của PDN, đáp ứng kịp thời và linh hoạt các nhu cầu của khách hàng, mở rộng thị trường hoạt động. Về mặt dài hạn, chiến lược này sẽ gia tăng sự nhận biết thương hiệu PDN trong nhận thức của khách hàng, tích lũy kinh nghiệm, tạo tiền đề để PDN phát triển thành một nhà cung cấp dịch vụ logistics chuẩn mực.

PDN đa dạng hóa các nguồn lực cung cấp cho sản xuất để đáp

ứng nhu cầu của khách hàng, với chiến lược thuê ngoài những gì không phải là thế mạnh của mình, PDN đã xây dựng được hệ thống các nhà cung cấp thiết bị, phương tiện vận chuyên thủy, bộ, nhân công sản xuất để đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ trọn gói của khách hàng.

Xây dựng tiêu chuẩn cho các nhà cung cấp dịch vụ, thường xuyên đánh giá, hiệu chỉnh các tiêu chuẩn này cho phù hợp với nhu cầu về chất lượng dịch vụ ngày càng cao của khách hàng; đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng theo đúng các cam kết đã thống nhất và ký kết với khách hàng.

Phát triển thêm các nhà cung cấp dịch vụ và công nhân xếp dỡ để đa dạng hóa và đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng được thông suốt và hiệu quả; đầu tư thêm các thiết bị xếp dỡ chủ lực nhằm nâng cao năng suất và an toàn lao động; chủ động khai thác tối đa cơ sở hạ tầng trong Công ty.

### Chiến lược kinh doanh

PDN chú trọng đến việc kinh doanh xoay quanh giá trị lõi của Công ty: khai thác cảng, kinh doanh dịch vụ logistics, ICD. Việc mở rộng phạm vi kinh doanh đảm bảo đúng các tiêu chí về giá trị cốt lõi và lợi thế của PDN.

Thực hiện chiến lược mở rộng liên kết và thuê ngoài những dịch vụ không phải là thế mạnh nhằm gia tăng chất lượng cung cấp dịch vụ, tiết kiệm chi phí đối với những dịch vụ không phải là thế mạnh của Công ty và linh hoạt mở rộng các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.



Trong năm 2019, PDN tập trung nguồn lực cho việc phát triển:

☞ Dịch vụ ICD, Logistics nhằm đáp ứng được nhu cầu giảm tải cho các cảng tọa lạc trong TP.HCM đang lên quy hoạch di dời cũng như giảm áp lực giao thông cho khu vực Cảng Cát Lái Quận 2 - TP.HCM theo đúng tinh thần của Đoàn công tác Chính phủ làm việc với TP.HCM và các tỉnh Đông Nam Bộ cuối quý 3/2017; tích cực đôn đốc các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để nhanh chóng hoàn thành các dự án đã triển khai thực hiện nhằm tăng cường năng lực lưu trữ, thông qua để đáp ứng được nhu cầu của các đơn vị sản xuất kinh doanh trong địa bàn.

☞ Nâng cao khả năng tiếp nhận lượng tàu 20.000 - 30.000DWT tại khu vực Gò Dầu thông qua việc nâng cấp các cầu cảng có sẵn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của việc sử dụng đội tàu này trong hoạt động vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu. Tiếp tục tìm kiếm nguồn tài chính để xây dựng và bổ sung thêm khả năng tiếp nhận các phương tiện vận chuyển trong khoảng 20.000 - 30.000DWT.

☞ Gia tăng năng lực cạnh tranh thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, kéo dài và hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ logistics, quản trị chi phí để đảm bảo năng lực cạnh tranh trên thị trường.

☞ Tiếp tục kết hợp với Hải Quan Đồng Nai thực hiện thông quan tại Cảng Đồng Nai, góp phần giảm thời gian thủ tục, chi phí của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh.

☞ Thực hiện chiến lược mở rộng liên kết và thuê ngoài những dịch vụ không phải là thế mạnh nhằm gia tăng chất lượng cung cấp dịch vụ, tiết kiệm chi phí đối với những dịch vụ không phải là

thế mạnh của PDN và linh hoạt mở rộng các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

### Mở rộng, phát triển dịch vụ mới, thị trường mới

PDN đang triển khai các dự án hoàn thiện cơ sở hạ tầng và mở rộng phạm vi của chuỗi logistics cung cấp cho khách hàng; tập trung khai thác dịch vụ chuỗi nội địa (tuyến Bắc-Nam) và dịch vụ từ kho tới tàu mẹ cho các khách hàng trong quy hoạch phạm vi tác động của PDN.

Mở rộng, phát triển đa dạng hóa các dịch vụ logistics và hoàn thiện chuỗi cung cấp dịch vụ, đầu tư xây dựng hệ thống kho tại khu vực Long Bình Tân và Gò Dầu.

Tập trung khai thác tiềm năng của các thị trường tại Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Dương và phía Bắc Tp.HCM.

Tiếp tục khai thác thêm các phân khúc còn lại của thị trường Đồng Nai nhằm tăng sản lượng thông qua cảng của nhóm đối tượng khách hàng chưa sử dụng các dịch vụ của PDN.

### Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện nhiều hình thức quảng bá thương hiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng:

Quảng cáo trên các tạp chí, trang website của các Hiệp hội trong ngành logistics

Tài trợ cho các chương trình phát sóng trong tỉnh

Ngoài ra, PDN cũng tham gia nhiều chương trình xã hội nhằm chia sẻ khó khăn, động viên tinh thần hiếu học của các em học sinh nghèo vùng sâu vùng xa, xây dựng nhà tình thương...

Trong năm qua, PDN tập trung nhiều vào công tác đẩy mạnh thương hiệu tại khu vực Đồng Nai, chăm sóc khách hàng, duy trì củng cố quan hệ với các Hiệp hội, Cơ quan ban ngành, đưa thông tin lên các báo tạp chí tiềm năng trong mảng xuất nhập khẩu như:

- ☞ Đưa hình ảnh, thương hiệu Cảng đến các báo, tạp chí tiềm năng trong mảng kinh tế xuất nhập khẩu như: Tạp chí Việt Nam Logistics Review, tạp chí Thương mại Hàng hải, báo Diễn Đàn Doanh Nghiệp, Hiệp hội đại lý môi giới hàng hải, Báo Hải quan, v.v...

- ☞ Phối hợp tham gia các sự kiện tại Đồng Nai: Đưa hình ảnh Cảng đến các sự kiện tại khu vực Cảng Đồng Nai như: Đối thoại doanh nghiệp FDI Đài Loan, Nhật Bản tại Đồng Nai, hội nghị của VCCI, hội nghị về Logistics tại Quảng Ninh.

- ☞ Giới thiệu hình ảnh, trưng bày brochure tại các khu công nghiệp trong khu vực Đồng Nai. Ngoài ra, PDN cũng tham gia nhiều chương trình xã hội nhằm chia sẻ khó khăn, động viên tinh

thần hiếu học của các em học sinh nghèo vùng sâu vùng xa, xây dựng nhà tình thương...

Dự kiến trong năm 2019, ngoài các việc duy trì các hoạt động đã được thực hiện trong năm 2018, PDN lên kế hoạch triển khai các hoạt động sau:

- ☞ Hệ thống hóa các hoạt động chăm sóc khách hàng bằng việc áp dụng công nghệ vào quản lý

- ☞ Duy trì việc thăm hỏi và tìm hiểu nhu cầu của khách hàng thường xuyên để nắm bắt và cân nhắc việc lôi kéo cũng như phát triển dịch vụ nhằm đáp ứng sự thay đổi về dịch vụ của khách hàng

- ☞ Triển khai hoạt động Digital Marketing nhằm thu thập thông tin khách hàng tiềm năng, từ đó có hướng tiếp cận và biện pháp triển khai bán hàng đạt hiệu quả

- ☞ Tổ chức nghiên cứu thị trường để đưa ra những định hướng mục tiêu thị trường phù hợp

- ☞ Tham gia các Hiệp hội, Trung tâm xúc tiến thương mại để nắm bắt các xu hướng hàng hóa, luồng luân chuyển và sản lượng hàng hóa lưu thông từ đó định hướng đầu tư các nguồn lực để khai thác tốt nguồn hàng mục tiêu.

## 5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

### Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Để thực hiện tốt Tầm nhìn và Sứ mệnh mà HĐQT giao phó, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra phương hướng hành động trong năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

☞ Về hoạt động SXKD:

- ✓ *Đẩy mạnh tăng trưởng hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi theo hướng đầu tư mạnh cả chiều rộng và chiều sâu, phát triển thêm dịch vụ mới, thị trường mới (khai thác cảng, ICD và Kho vận Logistics) thông qua sự hợp tác với các đối tác chiến lược, khách hàng*
- ✓ *Phối hợp với các đơn vị chức năng, cơ quan quản lý nhà nước nhanh chóng hoàn tất công tác nạo vét, đảm bảo khả năng khai thác tàu 5.000DWT tại Cảng Long Bình Tân như thiết kế*
- ✓ *Phối hợp với các đơn vị cung cấp dịch vụ tìm ra giải pháp tăng năng suất giải phóng hàng hóa; phối hợp với khách hàng, đơn vị khai thác tàu tận dụng tối đa thời gian có thể khai thác hàng hóa để giải phóng hàng*
- ✓ *Tăng cường công tác bán hàng, tiếp cận các nguồn hàng mới để mở rộng thị trường và tăng tính lựa chọn các loại hàng để thực hiện cung cấp dịch vụ*
- ✓ *Tăng cường mở rộng các hoạt động hỗ trợ cho hoạt động xếp dỡ tại Cảng*
- ✓ *Tiếp tục cải thiện chất lượng dịch vụ để tăng sự hài lòng của khách hàng*

- ✓ *Tăng mức độ nhận biết thương hiệu, tăng thị phần (tăng sự hài lòng của khách hàng, chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ)*
- ✓ *Đào tạo cho đội ngũ nhân viên kiến thức mới nhằm đáp ứng thay đổi của thị trường*



- ☞ Về quản trị: Quản trị theo ngành nghề kinh doanh cốt lõi; tiếp tục phát huy thế mạnh quản trị tập trung các phòng ban chức năng
- ☞ Về nhân lực: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng sự phát triển các dự án của PDN, chuẩn hóa nghiệp vụ và ngoại ngữ, gắn liền đãi ngộ thông qua việc thực hiện đánh giá theo KPIs, kỷ luật và trách nhiệm.

☞ Về công nghệ: Ứng dụng công nghệ thông tin gắn liền với hoạt động sản xuất

☞ Về cơ sở hạ tầng:

✓ Khu vực Gò Dầu: hoàn thiện nâng cấp bến tàu A3 và B3 lên 30.000DWT cùng trang thiết bị đưa vào khai thác từ đầu năm 2019; Hợp tác với khách hàng đầu tư mới bến tàu B5 (30.000 DWT) và các thiết bị kèm theo, dự kiến triển khai thi công vào đầu năm 2019.

✓ Khu vực Long Bình Tân: mở rộng thêm 50m cầu tàu để đón đầu lượng hàng hóa sau khi các ICD trong TP.HCM di dời ra khỏi trung tâm thành phố, đồng thời tăng cường khai thác nguồn hàng mới tại các KCN lân cận nhằm đáp ứng lượng hàng xếp dỡ thông qua cảng ngày càng gia tăng, giảm thiểu chi phí, thời gian cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ tại PDN; hoán đổi 1,0ha bãi cho VT-Gas để đưa vào khai thác bãi container.

Năm 2019 Công ty xây dựng kế hoạch từ khảo sát, đánh giá về tăng trưởng nhu cầu luân chuyển hàng hóa trong năm. Đồng thời lập kế hoạch dựa trên sự cân đối khả năng đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng bến cảng, kho bãi và đa dạng hóa các dịch vụ logistics.

Công tác tổng hợp các yếu tố thuận lợi và khó khăn cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và xem xét tính khả thi của kế hoạch năm 2019. Về mặt thuận lợi, Công ty tận dụng những lợi thế về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên về luồng lạch, lượng khách hàng lớn và ổn định qua nhiều năm. Ban lãnh đạo và đội ngũ CB-CNV luôn nỗ lực lao động theo tư duy đổi mới, năng động và có kinh nghiệm lâu năm trong ngành.

Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho nhu cầu của khách hàng, đảm bảo cải thiện chất lượng dịch vụ tăng hơn so với năm 2018. Mở rộng phạm vi và quy mô của dịch vụ logistics nhằm đem lại giá trị gia tăng cho khách hàng và từng bước xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp hơn.

Phân tích thị trường mục tiêu, đánh giá các yếu tố thuận lợi và khó khăn, từ đó có các phương án thực hiện kế hoạch và xem xét dự phòng các rủi ro cũng như có các biện pháp để phấn đấu đạt được kế hoạch đã xây dựng trong năm 2019.

### Giải pháp thực hiện

### Giải pháp trong hoạt động kinh doanh

Tiếp tục tiến hành nghiên cứu thị trường tổng hợp dữ liệu, đánh giá, phân tích nhu cầu khách hàng, từ đó tận dụng tất cả các nguồn lực bên trong và bên ngoài để mở rộng thị trường, kết hợp hoạt động với các Hiệp hội, Công ty Fowarder và các Công ty vận tải để gia tăng khả năng mở rộng khách hàng mới, xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng phù hợp trong từng phân khúc và áp dụng chính sách giá theo phân khúc tương ứng, áp dụng chính sách thưởng phạt với hợp đồng nhà thầu phụ và hợp đồng xếp dỡ với khách hàng.

Gia tăng khai thác sản lượng đối với các hãng tàu, các khách hàng trong thị trường mục tiêu sử dụng dịch vụ của các hãng tàu.

Đẩy mạnh hoạt động mở rộng thị trường bằng hình ảnh thương hiệu uy tín PDN, phát triển dịch vụ bán cước vận tải biển nội địa và quốc tế.

Tiếp tục phát triển mảng kinh doanh ngành dịch vụ logistics tại khu vực Long Bình Tân bằng việc tìm kiếm nguồn hàng từ các khách hàng tiềm năng trong khu vực, tăng cường giới thiệu và quảng bá đến các đối tượng có nhu cầu sử dụng dịch vụ.

Xây dựng chính sách hoa hồng và chính sách môi giới cạnh tranh nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh.

### **Giải pháp trong hoạt động sản xuất**

Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua việc đào tạo cán bộ tác nghiệp; đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng

### **6. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

Không có

### **7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội**

#### **Trách nhiệm về môi trường**

Ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, duy trì cảnh quan xanh - sạch - đẹp và thu hút giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân địa phương.

Đóng góp vào sự phát triển kinh tế sở tại là những tiêu chí hàng đầu của PDN bên cạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh.

#### **Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội**

Là một doanh nghiệp đại chúng, PDN luôn cam kết và nâng cao

Tăng năng suất tác nghiệp cả hàng hóa tổng hợp và hàng container, phân đầu vượt kế hoạch đề ra.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, xây dựng thái độ sẵn sàng phục vụ khách hàng và giải đáp các thông tin khi khách hàng có nhu cầu, kịp thời chấn chỉnh tác phong và mức độ tuân thủ nội quy của công nhân và nhân viên.

Tăng cường năng lực điều phối của cấp quản lý trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến khách hàng, nhà thầu cũng như các vấn đề phát sinh khác trong khu vực sản xuất.

Bố trí hợp lý các thiết bị sản xuất nhằm gia tăng hiệu quả khai thác tài sản của Công ty.

tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời ý thức đầy đủ và sâu sắc trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trên cả hai phương diện: đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, xã hội, bảo vệ môi trường và gia tăng lợi ích cho doanh nghiệp, cổ đông và các bên hữu quan.

Trải qua 30 năm hình thành và phát triển, PDN đã xây dựng và sở hữu một nguồn nhân lực quý báu gần 300 con người đang ngày đêm cống hiến, toàn tâm toàn ý vì một mục tiêu chung, đưa Công ty ngày càng phát triển. Hiện thực hóa tầm nhìn của PDN còn có sự đóng góp, hỗ trợ quý báu từ cộng đồng chung quanh bao gồm các cổ đông, khách hàng, đối tác cùng các cơ quan ban ngành và nhiều thành phần khác trong xã hội. Thành tựu đạt được của PDN trong những năm qua là một nguồn động viên to lớn để toàn thể CB-CNV Công ty luôn hướng về phía trước với tâm thế tự tin và tinh thần trách nhiệm phục vụ cộng đồng.

## **1. Đảm bảo việc làm ổn định và chế độ đãi ngộ đối với người lao động**

Hiệu quả sản xuất kinh doanh với việc tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm đã minh chứng cho việc sử dụng và phát triển các nguồn lực hợp lý, hiệu quả trong đó chất lượng nguồn nhân lực là một yếu tố cốt lõi, quyết định và tạo sự khác biệt, đóng góp cho thành công trong kinh doanh của PDN. Thực vậy, người lao động đã nhận được sự đãi ngộ hợp lý thông qua các chế độ, chính sách, được công hiến trong môi trường làm việc thân thiện, bình đẳng, chuyên nghiệp, hợp tác phù hợp với văn hóa công ty hình thành từ những ngày đầu khó khăn khởi nghiệp. Đời sống của gia đình người lao động ngày càng được quan tâm và nâng cao khiến người lao động luôn an tâm và gắn bó với công ty.

Tính tuân thủ của PDN theo các qui định của luật lao động, các qui chế quản lý của sở ban ngành địa phương đã được đánh giá cao thông qua kết quả thanh tra hàng năm. Chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho cá nhân và thân nhân đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời tạo sự phấn khởi và an tâm công tác.

Bên cạnh không khí sản xuất nhộn nhịp, bận rộn, người lao động luôn được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn thể mỹ thông qua các sự kiện lớn của công ty, các hoạt động hội thao, hội diễn của ngành để tăng cường tình đoàn kết, giao lưu trong cộng đồng bên cạnh sự khuyến khích sáng tạo, cải tiến trong công việc vì một môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, toàn tâm toàn ý cho sự nghiệp chung.

## **2. Trách nhiệm trong cung cấp dịch vụ**

Để tồn tại và phát triển trong một môi trường cạnh tranh gay gắt, thị trường trong nước và quốc tế biến động không ngừng, PDN nhất thiết phải xây dựng sự khác biệt: khác biệt về nguồn nhân lực, khác biệt về đầu tư cơ sở hạ tầng, khác biệt về tư duy kinh doanh... để tạo sự khác biệt trong cung cấp dịch vụ. Thực tế chứng minh chính thái độ cầu thị, tận tâm, chuyên nghiệp, hợp tác, chia sẻ trên nền tảng đôi bên cùng có lợi mới là yếu tố then chốt gắn kết khách hàng, đối tác với PDN cả những khi thuận lợi lẫn những lúc khó khăn.

PDN thực hiện đúng và đầy đủ cam kết trong cung ứng dịch vụ cho khách hàng. Bên cạnh đó, dịch vụ chăm sóc khách hàng, hậu mãi luôn được chú trọng và không ngừng nâng cao mang lại cho khách hàng sự hài lòng và duy trì bền lâu sự ủng hộ quý báu của khách hàng.

## **3. Mang lại lợi ích kinh tế cho Cổ đông**

Đây là mối quan tâm xuyên suốt của Công ty kể từ khi cổ phần hóa và trở thành Công ty đại chúng. Cổ đông chính là người chủ thật sự của công ty, những nhà đầu tư luôn sát cánh và đồng hành cùng Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh và phát triển. Vì vậy, nhiệm vụ hàng đầu của doanh nghiệp chính là mang lại lợi ích kinh tế cho cổ đông và các bên hữu quan.

## **4. Trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng**

Song song với kế hoạch sản xuất kinh doanh được quán triệt trong toàn bộ tổ chức, PDN cam kết về phát triển bền vững, không những duy trì môi trường phát triển kinh doanh minh bạch, ổn

định mà còn quan tâm đến trách nhiệm đối với xã hội, chung tay chia sẻ vì cộng đồng.

Với việc tăng trưởng sản xuất kinh doanh hàng năm, PDN tạo ra việc làm cho hàng trăm lao động và đóng góp cho ngân sách quốc gia. Hơn thế nữa, PDN xác định nhiệm vụ chung tay chia sẻ vì cộng đồng, đã chung tay đóng góp 470,4 triệu đồng cùng Tổng Công ty Sonadezi thực hiện công tác xã hội cộng đồng, ngoài ra cũng thường xuyên xuyên tổ chức các hoạt động nhân ái, đền ơn đáp nghĩa đầy tính nhân văn, góp phần làm giảm nhẹ những khổ đau của các mảnh đời không may, mà trên hết chính là sự chung tay làm giảm nhẹ khó khăn cho xã hội.

Các công tác thiện nguyện trở thành chương trình hành động của Công ty như chương trình học bổng cho sinh viên nghèo hiếu học, viếng thăm các trung tâm nuôi dưỡng người già neo đơn, trẻ mồ côi, khuyết tật, và các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, vạn tâm lòng vàng, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ chiến sĩ vùng biển đảo, v.v...

Tham gia các chương trình thiện nguyện chính là những bài học thiết thực cho CBCNV về đạo đức, tinh thần đùm bọc, sẻ chia, ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng. Điều này vô hình chung trở thành phẩm chất không thể thiếu của những con người làm công tác dịch vụ.

Các hoạt động thiện nguyện được thực hiện rộng rãi không chỉ tại PDN mà còn lan truyền đến các công ty con, công ty liên kết của PDN.



## 1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2018 PDN đã đạt được kết quả kinh doanh cao nhất so với nhiều năm qua, các chỉ tiêu do ĐHCĐ giao được hoàn thành một cách ấn tượng nhất, đây cũng là bước đi thứ ba cho giai đoạn 5 năm của HĐQT nhiệm kỳ III (2016 – 2020). Cụ thể, chỉ tiêu LNTT vượt **35,5%** so kế hoạch năm, vượt **45%** so cùng kỳ.

HĐQT đánh giá cao sự điều hành linh hoạt, quyết liệt, kịp thời của Ban Tổng Giám đốc để đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh tốt. Ban Tổng Giám đốc cũng đã thực thi một cách hiệu quả các Nghị quyết của HĐQT, các biện pháp quản trị, tăng cường nguồn nhân lực, chú trọng đến khâu cán bộ, tổ chức Hội

## PHẦN IV

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Kế hoạch và định hướng của HĐQT

nghị khách hàng. Bên cạnh đó, các hoạt động về môi trường đã được triển khai tốt, công tác xã hội, cứu trợ được quan tâm kịp thời, mang lại lợi ích đích thực cả về vật chất và tinh thần đối với đồng bào có hoàn cảnh khó khăn ở nhiều vùng miền.

### Về công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm qua Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến trách nhiệm bảo vệ môi trường và tham gia nhiều hoạt động mang nhiều lợi ích cho xã hội.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt các mặt quản trị nhân sự



đồng bộ với các khâu sản xuất kinh doanh, kiện toàn bộ máy, tăng cường hoạt động logistics và khâu Sales & Marketing của Công ty, thực hiện tốt công tác môi trường và xã hội, nâng cao uy tín và thương hiệu PDN trên thị trường.

### Tuân thủ các quy định về quản trị công ty

HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ thực hiện đúng các quy định về quản trị công ty, tổ chức đại hội cổ đông theo quy định; tổ chức các phiên họp HĐQT; họp giao ban định kỳ; thực hiện tốt các quy định về lao động, chính sách lương thưởng, v.v...

### Đối với công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đền bù giải tỏa

Dựa trên kế hoạch được phê duyệt, tổng mức chi phí đầu tư xây dựng cơ bản và đền bù giải tỏa của Công ty tại thời điểm cuối năm 2018 là **70,305** tỷ đồng. Trong đó:

- Thực hiện công tác đền bù giải tỏa cho các hộ dân thuộc Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2 là 34,264 tỷ đồng.
- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản là 36,041 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục đầu tư lớn như:

#### Tại khu vực Gò Dầu

Đầu tư nâng cấp cầu cảng; hoàn thiện hệ thống đường, bãi, hệ thống PCCC cho cầu cảng khu A và khu B, hệ thống đường dây điện và trạm biến áp

Đầu tư nâng cấp cầu Cảng B3; cầu cảng A3 để tiếp nhận tàu 30.000DWT không tải và giảm tải

Thi công hệ thống đường BTXM từ B1 – B3 kéo dài; đường N1 từ D1 đến bãi số 4; đường vào Cảng Long Thành; thi công bãi 5.000m<sup>2</sup> và bãi 12.000m<sup>2</sup>; hệ thống PCCC ...

#### Tại Long Bình Tân

Đầu tư nâng cấp cầu cảng; hoàn thiện hệ thống đường, bãi; hệ thống thoát nước

Đầu tư bến tàu 5.000 DWT nối K1 – K2; bãi 3.000m<sup>2</sup>; triển khai công trình mương thoát nước chung

### Đối với chủ trương tài chính

HĐQT đã phê chuẩn chấp thuận các chủ trương vay tăng thêm vốn trung hạn để phục vụ công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

Trong năm 2018, Ban tổng giám đốc đã chỉ đạo bộ phận tài chính kế toán hoàn thành tốt nhiệm vụ và chức năng của đơn vị mình. Đối với công tác quản lý nguồn vốn luân chuyển, tình hình công nợ luôn được chú trọng theo dõi sát sao nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng dòng tiền và quản trị rủi ro, thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với công tác hoạch định đầu tư, các dự án đầu tư lớn trong năm đều được tính toán kỹ lưỡng nhằm đảm bảo cân đối giữa tính hiệu quả của dự án và chi phí sử dụng vốn, đảm bảo dòng tiền khả dụng kịp thời theo tiến độ xây dựng của dự án.

Phối hợp, hỗ trợ trong công tác công bố thông tin theo quy định của các Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán.

## Đối với công tác tổ chức và nhân sự

Trong năm HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai nhiều công tác nhân sự quan trọng, đã làm việc với các cán bộ lãnh đạo chủ chốt đẩy mạnh công tác tìm kiếm bồi dưỡng cán bộ kế cận, cán bộ tiềm năng ở các cấp. Ban Tổng giám đốc cũng đã chỉ đạo tăng cường hoạt động quản trị rủi ro và quản trị tập trung.

Công tác tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm nhân sự hợp lý, đảm bảo đúng người đúng việc, tạo ra hiệu quả công việc cao. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc còn chỉ đạo thực hiện nhiều chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài. Các chính sách trả lương, thưởng đảm bảo theo đúng quy chế, tạo ra động lực phấn đấu cho từng cá nhân, đồng thời xây dựng cơ chế đánh giá KPI cho Ban lãnh đạo và toàn thể CB-CNV.

## 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Nhằm kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, tiến độ các dự án, tại mỗi cuộc họp HĐQT định kỳ/ đột xuất luôn có sự tham dự của Tổng Giám đốc để được trực tiếp tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của HĐQT và triển khai thực hiện kịp thời, mang lại hiệu quả cao cho mọi hoạt động trong Công ty.

Đối với PDN, Ban lãnh đạo cùng đội ngũ CB-CNV luôn cùng nhau nỗ lực phấn đấu, cải tiến chính sách quản lý, chính sách bán hàng và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 đạt được kết quả tốt đẹp. Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc trong năm đã thể hiện được năng lực tốt, thực hiện các giải pháp kịp thời, đồng bộ, linh hoạt giúp Công

Với cơ cấu tổ chức được HĐQT phê duyệt gồm 01 Tổng giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc, Ban Tổng giám đốc đã phát huy được năng lực quản lý, điều hành phụ trách có hiệu quả các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong địa bàn tỉnh Đồng Nai và các địa bàn lân cận.

## Đối với trách nhiệm môi trường và xã hội

Xây dựng môi trường làm việc năng động, khoa học cùng với chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực liên tục nhằm khai thác năng lực của từng CB-CNV.

Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho CB-CNV.

Thường xuyên thực hiện công tác xã hội từ thiện hỗ trợ cộng đồng trong và ngoài tỉnh.

ty duy trì hoạt động an toàn, ổn định và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được ĐHCĐ giao.

- Sản lượng khai thác hàng tổng hợp: 6.432.626 tấn, tăng 13% so cùng kỳ 2017
- Sản lượng khai thác container: 673.000 teus, tăng 54% so cùng kỳ 2017
- Doanh thu thuần: 666.518 triệu đồng, tăng 28,79% so cùng kỳ 2017
- Lợi nhuận trước thuế: 123.378 triệu đồng, tăng 45,12% so cùng kỳ 2017

Hàng tháng theo định kỳ hoặc đột xuất, Ban Tổng giám đốc tổ chức các cuộc họp giao ban cùng với các bộ phận có sự tham gia của các thành viên HĐQT để cùng lắng nghe và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc các vấn đề liên quan đến định hướng và biện pháp tháo gỡ các khó khăn về việc triển khai dự án, vấn đề tài chính, các hoạt động trong toàn công ty.

Hội đồng Quản trị ghi nhận Ban Tổng Giám đốc đã có sự chuẩn bị chu đáo phương án ứng phó trước những biến động khó lường trên thị trường nói chung và những khó khăn đặc thù của ngành nói riêng. Ban Tổng Giám đốc đã nắm bắt kịp thời những chuyển biến về kinh tế vĩ mô, sự biến động về giá, kịp thời đưa ra những quyết sách, tạo động lực cho tập thể CB-CNV cùng chung sức, đoàn kết, nhất trí đưa Công ty vượt qua mọi khó khăn. Đây là sự thành công của Công ty trong năm qua, trong đó có sự đóng góp đáng ghi nhận của Ban Tổng giám đốc.

Hiện tại Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng hoàn tất và áp dụng quy

### **3. Kế hoạch và định hướng của HĐQT**

Thực hiện các trách nhiệm và quyền hạn của HĐQT theo điều lệ và phù hợp với mô hình quản trị PDN. Năm 2019, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHĐCĐ phê duyệt; triển khai đúng tiến độ các dự án trọng điểm và các mục tiêu năm 2020, cụ thể:

#### **Về sản xuất kinh doanh**

trình lập kế hoạch ngân sách để kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, dự báo các vấn đề phát sinh và tìm ra các giải pháp dự phòng một cách chủ động. Ngoài ra, kế hoạch này còn giúp Công ty chủ động hoạch định nguồn lực tài chính, nhân lực, đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển, cụ thể:

Toàn Công ty được phân chia thành các cụm chi phí và doanh thu để phân trách nhiệm cụ thể cho các phòng ban.

Thiết lập cây thư mục sản phẩm theo 2 ngành hàng chủ lực: Tổng hợp và Container-Kho vận logistics.

Quy trình các phòng ban cũng được hệ thống hóa và kiểm soát chặt chẽ.

Lập Ban kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng giám đốc để thực hiện công tác tự kiểm soát, kiểm soát nội bộ và giám sát chặt chẽ theo chỉ đạo của Tổng giám đốc tại các khu vực, đảm bảo hoạt động hiệu quả.

HĐQT tập trung chỉ đạo, sử dụng các nguồn lực để ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại các đơn vị.

Dự kiến doanh thu và lợi nhuận của PDN trong năm 2019 sẽ tiếp tục là một thách thức lớn. Để đạt được 02 chỉ tiêu quan trọng này, HĐQT sẽ phối hợp với Ban Tổng giám đốc để có các quyết định linh hoạt, nhanh chóng bắt kịp các thay đổi của thị trường. Kế hoạch dự kiến (\*) năm 2019 như sau:

☞ Doanh thu: **694** tỷ đồng

☞ Lợi nhuận sau thuế TNDN: **116,1** tỷ đồng

(\*): Kế hoạch chính thức sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019



### Triển khai dự án trọng điểm năm 2019

Dự kiến trong năm 2019, với định hướng trở thành trung tâm hậu cần của các tỉnh Miền Đông Nam Bộ, PDN tiếp tục hoàn thiện thủ tục công bố bến tàu A3 (30.000DWT giảm tải) và bến tàu B3 (30.000DWT giảm tải) đưa vào khai thác chính thức kể từ đầu năm, đầu tư trang thiết bị, đầu tư mới bến tàu 30.000DWT (bến B5), các thiết bị kèm theo tại Cảng Gò Dầu và hoàn thành việc mở

rộng thêm 50m cầu tàu tại Cảng Long Bình Tân để đón đầu lượng hàng hóa sau khi các ICD trong TP.HCM di dời ra khỏi trung tâm thành phố, đồng thời tăng cường khai thác nguồn hàng mới tại các KCN lân cận nhằm đáp ứng lượng hàng xếp dỡ thông qua cảng ngày càng gia tăng, giảm thiểu chi phí, thời gian cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ tại PDN.

### Triển khai chiến lược tầm nhìn đến năm 2020

Năm 2019 là năm thứ tư thực hiện kế hoạch trung hạn 5 năm của PDN tầm nhìn đến năm 2020. Để tiếp tục kế hoạch này, HĐQT sẽ triển khai các công việc về đầu tư, quản trị, tổ chức bộ máy và các chủ trương quan trọng khác, chính sách thu hút cán bộ giỏi, tạo động lực để khuyến khích người lao động thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

### Tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị trong thời gian tới

Nhằm tăng cường hiệu quả quản trị doanh nghiệp, nhiều biện pháp đã được đề ra, trong đó chú trọng đến các khâu:

- ☞ Thực hiện nghiêm túc các chương trình trong kế hoạch 5 năm; triển khai Nghị quyết hội nghị sản xuất kinh doanh 2019, các Nghị quyết của HĐQT, các nghị quyết giao ban hàng tháng
- ☞ Tăng cường công tác giám sát, quản trị rủi ro; công tác mua sắm tập trung; các hoạt động pháp lý; phát triển nhân lực...
- ☞ Kiện toàn bộ máy quản lý ở các cấp theo hướng tinh gọn, phân quyền phân cấp tạo động lực trong sản xuất; tăng hiệu quả điều hành.

## PHẦN V

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT,

Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát



### 1. Hội đồng quản trị

#### Thành viên Hội đồng quản trị

HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020 được ĐHĐCĐ bầu ngày 15/03/2016 gồm có 01 Chủ tịch HĐQT- là Người đại diện theo pháp luật của Công ty, 01 Phó Chủ tịch và 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên tham gia quản lý điều hành PDN.

Ngày 08/02/2018, ông Nguyễn Thanh Tùng - Thành viên HĐQT

từ nhiệm. Tại ĐHĐCĐ ngày 19/04/2018, ông Trần Văn Nguyên được bầu bổ sung thay thế ông Nguyễn Thanh Tùng làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020. Như vậy, hiện tại HĐQT của PDN có 03 thành viên tham gia quản lý điều hành.

#### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có



## ÔNG TRẦN THANH HẢI

### Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 08/1994 – 09/1995: Nhân viên Phòng Thiết kế - Kỹ thuật - Xí nghiệp xây lắp CN thuộc Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
  - 09/1995 – 07/2000: Nhân viên Bộ phận phát triển hạ tầng - Cty Phát triển KCN Biên Hòa
  - 07/2000 – 01/2002: Tổ trưởng Tổ Phát triển hạ tầng - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
  - 01/2002 – 12/2002: Phó Phòng Kinh doanh - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
  - 01/2003 – 12/2003: Phó phòng Phụ trách Phòng Kỹ thuật - Cty Phát triển KCN Biên Hòa
  - 01/2004 – 09/2005: Phó Giám đốc Xí nghiệp Phát triển nhà Sonadezi - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
  - 09/2005 – 12/2005: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Địa ốc Sonadezi
  - 01/2006 – 05/2007: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Sonadezi Long thành
  - 05/2007 – 07/2007: Chuyên viên Phòng Dự án - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
  - 07/2007 – 09/2007: Tổng Giám đốc - Công ty CP PT hạ tầng Sonadezi
  - 09/2007 – 11/2007: Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Sonadezi Châu Đức
  - 12/2007 – 10/2008: Trưởng Ban Chuẩn bị Dự án kiêm Trưởng Ban Phát triển hạ tầng - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
  - 11/2008 – 06/2010: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
  - 07/2010 – 11/2010: Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Phát triển KCN (Sonadezi)
  - 11/2010- 01/2016: TV- HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Phó Bí thư Chi bộ 2 thuộc Đảng bộ Tổng công ty Phát triển KCN - Tổng công ty Phát triển KCN (Sonadezi)
  - 02/2016 -15/03/2016: Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phát triển KCN (Sonadezi)
  - 15/03/2016 đến nay: Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phát triển KCN (Sonadezi) kiêm Chủ tịch HĐQT-người đại diện theo pháp luật CTCP Cảng Đồng Nai
- ☞ Tỷ lệ cổ phiếu đại diện Tổng Công ty CP Phát triển KCN là 21%



### **ÔNG PHAN TRỌNG DŨNG**

#### **Thành viên Hội đồng quản trị**

- 06/1994 – 09/1995 Chuyên viên Quản lý Tài chính doanh nghiệp Sở tài chính Đồng Nai.
  - 09/1995 – 10/1999 Phó phòng Nghiệp vụ I Cục quản lý Vốn – Tài sản Nhà Nước tại DN Đồng Nai.
  - 10/1999 – 5/2004 Phó phòng Nghiệp vụ I Chi cục Tài chính doanh nghiệp Đồng Nai.
  - 5/2004 – 2/2006 Phó phòng Kế hoạch tổng hợp Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai.
  - 2/2006 – 12/2015: Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai, Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Đồng Nai.
  - 12/2015 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai, Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai
- ☞ Tỷ lệ cổ phiếu đại diện Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai 3,75%

### **ÔNG HUỖNH NGỌC TUẤN**

#### **Thành viên Hội đồng quản trị**

*(Đã công bố trong mục Ban Điều Hành)*

### **ÔNG TRẦN VĂN NGUYỄN**

#### **Thành viên Hội đồng quản trị**

*(Đã công bố trong mục Ban Điều Hành)*

Căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 11/12/2018, số lượng cổ phần của Công ty do các thành viên HĐQT nắm giữ như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện Sở hữu	CP Nắm giữ	Tổng Cộng	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	2.593.086	-	2.593.086	21	Đại diện pháp luật
2	Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Chủ tịch HĐQT	1.234.798	57.216	1.292.014	10,46	Điều hành
3	Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	1.234.798	2.520	1.237.318	10,02	Điều hành
4	Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	462.504	-	462.504	3,75	
5	Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên HĐQT	-	-	-	-	Điều hành

Số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

STT	Họ và tên	Số lượng chức danh TV.HĐQT tại Công ty khác	Tên công ty
1	Ông Trần Thanh Hải	2	- Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp - Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang
2	Ông Đỗ Văn Sâm	2	- Công ty CP Cảng Long Thành - Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai
3	Ông Phan Trọng Dũng	2	- Công ty CP Sonadezi Long Bình - Công ty CP Đồng Tiến
4	Ông Trần Văn Nguyên	1	- Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai



## Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, trong năm 2018 HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp. Ngày họp, danh sách thành viên tham dự, nội dung và các Nghị quyết của kỳ họp được công bố chi tiết trong “Báo cáo quản trị công ty năm 2018” được đăng tải trên website công ty [www.dongnai-port.com](http://www.dongnai-port.com) mục “Quan hệ cổ đông” để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT. Các Nghị quyết và Quyết định được ban hành như sau:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Kết quả
1	Nghị quyết HĐQT số: 04/2018/NQ-HĐQT	07/02/2018	Thông nhất thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
2	Nghị quyết HĐQT Số: 04A/2018/NQ-HĐQT	07/02/2018	Thông qua việc từ nhiệm của ông Nguyễn Thanh Tùng kể từ 08/02/2018
3	Nghị quyết HĐQT số: 05/2018/NQ-HĐQT	07/02/2018	- Ban hành quy trình công bố thông tin của CTCP Cảng Đồng Nai
4	Quyết định HĐQT số: 15/2018/NQ-HĐQT	20/03/2018	- Quyết toán quỹ tiền lương năm 2017
5	Quyết định HĐQT số: 15A/2018/NQ-HĐQT	20/03/2018	- Phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018
6	Quyết định HĐQT 16/2018/QĐ- HĐQT	20/03/2018	- Thông qua hợp đồng giao dịch giữa PDN với người nội bộ (ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiếp vận Số 01 Đồng Nai (Dologco))
7	Quyết định HĐQT 17/2018/QĐ- HĐQT	20/03/2018	- Thông qua hợp đồng giao dịch giữa PDN với người nội bộ (ông Trần Văn Nguyên - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai)
8	Nghị quyết HĐQT 20/2018/NQ- HĐQT	20/03/2018	- Thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018
9	Nghị quyết HĐQT 24/2018/NQ- HĐQT	21/05/2018	- Trả cổ tức lần 2 (lần cuối) năm 2017
10	Nghị quyết HĐQT 31/2018/NQ- HĐQT	26/06/2018	- Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018
11	Nghị quyết HĐQT 55/2018/NQ-HĐQT	15/11/2018	- Tái bổ nhiệm Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng - Tạm ứng 10% cổ tức đợt 1 năm 2018

12	Quyết định HĐQT 57/2018/NQ-HĐQT	15/11/2018	-Tái bổ nhiệm ông Trần Văn Nguyên giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc
13	Quyết định HĐQT 58/2018/NQ-HĐQT	15/11/2018	-Tái bổ nhiệm ông Huỳnh Ngọc Tuấn giữ chức vụ Kế toán trưởng



## 2. Ban kiểm soát

Sự tăng trưởng của nền kinh tế trong năm 2018 tương đối ổn định, tuy nhiên tỉ lệ nợ công còn cao, bội chi ngân sách còn lớn. Trong tình hình đó, PDN đã có những nỗ lực quan trọng để đạt kết quả kinh doanh đáng khích lệ thông qua việc kiểm soát rủi ro, cắt giảm chi phí, tăng cường các dịch vụ nhằm phát triển bền vững.

### Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát trong năm 2018 bao gồm

S	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện Số hữu	CP Năm giữ	Tổng Cộng	Tỷ lệ %
1	Bà Lê Thị Bích Loan	Trưởng BKS	1.234.798	-	1.234.798	10
2	Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên BKS	-	-	-	-
3	Ông Võ Văn Minh (* )	Thành viên BKS	-	-	-	-
4	Ông Trần Quốc Nam (* *)	Thành viên BKS	-	-	-	-

(\* ) Đã chính thức từ nhiệm từ ngày 19/04/2018

(\* \*) Chính thức được bầu bổ sung thay thế từ ngày 19/04/2018

### Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra để thực hiện việc giám sát theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Trong năm 2018, với sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát về hoạt động cũng như đưa ra các khuyến nghị nhằm tăng cường quản trị rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị của Công ty

Trong năm, Ban kiểm soát đã tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT được tổ chức định kỳ hàng quý và đột xuất, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Công ty do Tổng giám đốc chủ trì để nắm bắt đầy đủ thông tin liên quan đến tình hình hoạt động trong công ty.

Ngoài ra, định kỳ hàng quý Ban kiểm soát tổ chức kiểm soát, xem xét việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy chế công ty, báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh từng quý và cả năm 2018. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư cắt giảm chi phí, đưa ra ý kiến đánh giá về rủi ro trong hoạt động, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp, hội nghị về kế hoạch, chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của công ty và các công ty con.

### Nhận xét và đánh giá của Ban kiểm soát

Công ty thực hiện chế độ lập, gửi báo cáo và chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước đầy đủ và kịp thời.

Hạch toán kế toán rõ ràng; sắp xếp lưu trữ chứng từ hợp lý, thuận tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu.

Sổ sách kế toán mở đầy đủ theo quy định.

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua tại Đại hội.

Các thành viên HĐQT theo sự phân công đã có sự nghiên cứu kỹ lưỡng để tham mưu cho HĐQT đưa ra các chủ trương giúp công ty đạt và vượt chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch đã đăng ký với ĐHĐCĐ. Các thành viên Ban Điều Hành đã tuân thủ nghiêm túc

các quyết sách của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT giúp công ty đạt kết quả rất đáng khích lệ trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều khó khăn.

Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng và được cung cấp tất cả các nội dung liên quan theo yêu cầu.

Việc công bố thông tin cũng như các báo cáo quản trị được lập theo đúng quy định của pháp luật. Trong năm BKS ghi nhận chưa có điều gì bất thường trong các hoạt động của HĐQT, BĐH và cán bộ quản lý.

#### Kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2019

Tiếp bước những thành quả đạt được trong năm 2018 của HĐQT

và Ban Tổng giám đốc, BKS xác định phải ngày càng nâng cao vai trò, chức năng của mình, thực hiện tốt nhiệm vụ của BKS trong công tác kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp trong công tác quản lý điều hành; Tham gia các ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện các quy trình, thủ tục ngày càng chặt chẽ, phù hợp theo luật định.

Dự kiến trong năm 2019, BKS sẽ cùng tham gia vào việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống Kiểm toán nội bộ, đây là quy định bắt buộc đối với công ty niêm yết khi Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/4/2019.

Ngoài ra, BKS luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, dần hoàn thiện các quy trình hoạt động của Ban để phù hợp với thực tiễn cũng như các tiêu chuẩn về quản trị công ty niêm yết và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

### 3. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Thù lao của Hội đồng quản trị,  
Ban điều hành và Ban Kiểm soát



STT	Chức vụ	Thù lao tại PDN (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	14.213.000
2	Phó Chủ tịch HĐQT	12.026.000
3	Thành viên HĐQT	9.840.000
4	Trưởng BKS	Chuyên trách
5	Thành viên BKS	6.560.000

Các khoản thu nhập khác tại doanh nghiệp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát



STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (đồng/tháng)	Ghi chú
1	Trần Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	-	Đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Phát triển KCN (21%)
2	Đỗ Văn Sâm	Phó Chủ tịch HĐQT Phó Tổng GD	53.000.000	Ban Điều Hành
3	Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT Kế toán trưởng	48.000.000	Ban Điều Hành
4	Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	-	Đại diện phần vốn của Quỹ Đầu tư phát triển (3,75%)
5	Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	70.000.000	Ban Điều Hành
6	Trần Văn Nguyên	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	53.000.000	Ban Điều Hành ĐHCĐ ngày 19/04/2018 bầu bổ sung thay thế ông Nguyễn Thanh Tùng
7	Lê Thị Bích Loan	Trưởng BKS	48.000.000	Chuyên trách
8	Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên BKS	-	Đại diện Quỹ Đầu tư phát triển
9	Trần Quốc Nam	Thành viên BKS	8.533.000	ĐHCĐ ngày 19/04/2018 bầu bổ sung thay thế ông Võ Văn Minh

Hợp đồng hoặc giao dịch  
với cổ đông nội bộ



STT	Tên TV HDQT/ TV BKS/TGD tại Công ty niêm yết	Chức vụ tại Công ty niêm yết	Tên Công ty có giao dịch	Hợp đồng giao dịch	Chức vụ tại Công ty có giao dịch
1	Đỗ Văn Sâm	Phó Chủ tịch HDQT, Phó TGD	Công ty CP Cảng Long Thành	Hợp đồng sử dụng dịch vụ cảng	Chủ tịch HDQT
			Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai	- Hợp đồng dịch vụ xếp dỡ - Hợp đồng cho thuê thiết bị xếp dỡ	Thành viên HDQT
2	Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	Công ty CP Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	Hợp đồng thuê mặt bằng bãi	Chủ tịch HDQT
3	Trần Văn Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai	- Hợp đồng dịch vụ xếp dỡ - Hợp đồng cho thuê thiết bị xếp dỡ	Phó Chủ tịch HDQT
4	Phan Trọng Dũng	Thành viên HDQT	Công ty CP Sonadezi Long Bình	Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước tại Cảng Gò Dầu	Thành viên HDQT
			Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	Hợp đồng vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Giám đốc

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan

Không có thực hiện giao dịch trong năm 2018

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty



## PHẦN VI

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2018





## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 35

Handwritten notes and signatures on the right margin, including the company name "CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI" and a date "12/2023".

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2018)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2018)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lê Thị Bích Loan	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Trần Quốc Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2018)
Ông Võ Văn Minh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2018)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### **CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Ngọc Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Số: 19.122/BCKT-RSM HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### KT TỔNG GIÁM ĐỐC



**Đặng Thị Hồng Loan**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2019

**Trịnh Thanh Thanh**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2820-2016-026-1

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>Tại ngày 01/01/2018</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>233.877.505.996</b>	<b>243.704.537.788</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>148.579.129.614</b>	<b>177.824.026.842</b>
1. Tiền	111		107.559.525.406	116.227.261.453
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.019.604.208	61.596.765.389
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>83.333.982.943</b>	<b>64.456.319.353</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	77.308.436.451	63.605.176.112
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.912.894.467	2.105.522.411
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.338.165.132	805.039.899
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(2.225.513.107)	(2.059.419.069)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>359.531.751</b>	<b>480.254.266</b>
1. Hàng tồn kho	141		359.531.751	480.254.266
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.604.861.688</b>	<b>943.937.327</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	518.181.028	467.900.455
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		86.680.660	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	1.000.000.000	476.036.872
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>612.110.402.153</b>	<b>601.622.758.819</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>391.258.129.138</b>	<b>414.186.469.322</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	386.438.612.074	410.475.912.588
Nguyên giá	222		681.457.306.091	657.074.511.907
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(295.018.694.017)	(246.598.599.319)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.5	4.819.517.064	3.710.556.734
Nguyên giá	228		6.299.224.168	4.776.567.014
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.479.707.104)	(1.066.010.280)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>147.466.895.007</b>	<b>138.331.342.840</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	147.466.895.007	138.331.342.840
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.7	<b>22.165.000.000</b>	<b>22.165.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.165.000.000	15.165.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.000.000.000	7.000.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>51.220.378.008</b>	<b>26.939.946.657</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	51.220.378.008	26.939.946.657
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>845.987.908.149</b>	<b>845.327.296.607</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>376.790.790.485</b>	<b>428.162.364.198</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>192.284.536.652</b>	<b>240.315.310.365</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	72.764.336.999	70.495.670.559
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		99.034.806	1.020.174.771
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	2.261.584.346	563.877.703
4. Phải trả người lao động	314	4.11	18.065.991.000	15.871.806.020
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.627.910.448	6.789.541.904
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.005.683.507	1.817.221.656
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	3.185.153.154	2.791.330.426
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	71.720.892.573	125.656.050.969
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.14	10.710.000.000	9.520.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15	9.843.949.819	5.789.636.357
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>184.506.253.833</b>	<b>187.847.053.833</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.12	23.201.590.222	23.081.590.222
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.13	161.304.663.611	164.765.463.611
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>469.197.117.664</b>	<b>417.164.932.409</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16.1	<b>469.197.117.664</b>	<b>417.164.932.409</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.16.2	123.479.870.000	123.479.870.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.479.870.000	123.479.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.16.6	169.186.355.738	146.979.413.629
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.16.6	7.752.120.803	7.752.120.803
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.343.964.578	64.518.721.432
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		17.809.643.323	3.324.605.866
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		76.534.321.255	61.194.115.566
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>845.987.908.149</b>	<b>845.327.296.607</b>



Nguyễn Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Huỳnh Ngọc Tuấn  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	666.518.232.116	517.499.519.792
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		666.518.232.116	517.499.519.792
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	467.153.745.983	365.102.323.899
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		199.364.486.133	152.397.195.893
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.929.211.373	4.364.158.554
6. Chi phí tài chính	22	5.4	21.107.228.308	18.922.055.678
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		21.069.906.458	18.918.426.845
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	14.698.977.180	15.473.453.854
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	44.389.459.042	38.672.149.614
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		123.098.032.976	83.693.695.301
10 Thu nhập khác	31		505.570.809	3.205.122.317
11 Chi phí khác	32		225.336.022	1.884.768.128
12 Lợi nhuận khác	40		280.234.787	1.320.354.189
13 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		123.378.267.763	85.014.049.490
14 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	12.289.017.508	8.521.405.033
15 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		111.089.250.255	76.492.644.457
16 Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.16.4	7.885	5.412



**Nguyễn Ngọc Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2019

**Huyền Ngọc Tuấn**  
Kế toán trưởng

**Vũ Thị Quỳnh Trang**  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		123.378.267.763	85.014.049.490
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	48.833.791.522	45.560.501.408
Các khoản dự phòng	03	5.6	166.094.038	(1.201.160.830)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(54.541.966)	2.602.441
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.865.104.382)	(4.625.313.361)
Chi phí lãi vay	06	5.4	21.069.906.458	18.918.426.845
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>189.528.413.433</b>	<b>143.669.105.993</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.407.075.469)	(1.924.393.101)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		120.722.515	(343.167.522)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		35.319.789.075	44.711.671.118
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(24.330.711.924)	280.170.633
Tiền lãi vay đã trả	14		(21.097.531.643)	(19.151.012.850)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(10.817.957.881)	(9.413.626.680)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		24.050.000	21.175.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.551.506.678)	(3.639.489.558)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>143.788.191.428</b>	<b>154.210.433.033</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(70.483.005.264)	(76.579.464.393)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	265.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.617.778.435	4.098.609.627
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(66.865.226.829)</b>	<b>(72.215.854.766)</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	266.236.330.557	280.391.697.539
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(323.641.543.970)	(254.069.469.037)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(48.817.190.380)	(30.829.861.125)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(106.222.403.793)</b>	<b>(4.507.632.623)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>(29.299.439.194)</b>	<b>77.486.945.644</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		177.824.026.842	100.339.683.639
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		54.541.966	(2.602.441)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	4.1	<b>148.579.129.614</b>	<b>177.824.026.842</b>



**Nguyễn Ngọc Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2019

*Ma*

**Huyền Ngọc Tuấn**  
Kế toán trưởng

*Trang*

**Vũ Thị Quỳnh Trang**  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 08 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600334112 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 03 năm 2016.

Ngày 04 tháng 08 năm 2011, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 118/2011/QĐ-SGDHCM ngày 04 tháng 08 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26 tháng 10 năm 2011, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 867/2011/TB-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn pháp định là 6.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 123.479.870.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	Việt Nam	62.974.800.000	51,00	62.974.800.000	51,00
Công ty Cổ phần đầu tư nước sạch và Môi trường Eco&More	Việt Nam	6.000.000.000	4,86	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư Toàn Việt	Việt Nam	5.535.700.000	4,48	-	-
Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	Việt Nam	5.200.000.000	4,21	-	-
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Tỉnh Đồng Nai	Việt Nam	4.625.040.000	3,75	4.625.040.000	3,75
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	Việt Nam	-	-	24.671.510.000	19,98
Các cổ đông khác		39.144.330.000	31,70	31.208.520.000	25,27
<b>Cộng</b>		<b>123.479.870.000</b>	<b>100,00</b>	<b>123.479.870.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 267 (31 tháng 12 năm 2017: 267).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh dịch vụ cảng biển.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại ngũ cốc khác, bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa));
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa đường sắt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các công ty liên kết như sau:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Cảng Gò Dầu A, Khu Công Nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	45%	45%	45%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

### **2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

### **3.1. Thay đổi chính sách kế toán**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **3.2. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **3.3. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.5. Đầu tư tài chính**

#### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

#### *Đầu tư khác*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

### **3.6. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### *Phương pháp khấu hao*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

Từ năm 2012, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm đối với 02 cầu Liebherr.

### **3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### *Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình*

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

##### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

### **3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí mua bảo hiểm và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ trong vòng 1 năm.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.11. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **3.12. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **3.13. Dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### **3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

#### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **3.15. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

#### **3.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

#### **3.17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

#### **3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

#### **3.19. Thuế**

##### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

*Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính (cảng biển) trong thời hạn 12 năm kể từ năm 2009. Chính sách thuế ưu đãi áp dụng đối với Công ty đã được cơ quan thuế chấp nhận trong các biên bản quyết toán thuế gần đây.

##### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp cho tàu ngoài nước: 0%
- Thu tiền nước: 5%
- Các dịch vụ khác: 10%

##### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### **3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.22. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	875.416.857	357.483.325
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	106.684.108.549	115.869.778.128
Các khoản tương đương tiền	41.019.604.208	61.596.765.389
<b>Cộng</b>	<b>148.579.129.614</b>	<b>177.824.026.842</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng với lãi suất từ 5%/năm đến 5,5%/năm.

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	2.190.650	90.342.708
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Cảng Quốc Tế Tân Cảng - Cái Mép	18.152.135.000	17.557.282.500
Công ty TNHH Cảng Quốc Tế Cái Mép (CMIT)	10.129.849.000	2.283.600.000
Các khách hàng khác	49.024.261.801	43.673.950.904
<b>Cộng</b>	<b>77.308.436.451</b>	<b>63.605.176.112</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.3. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.805.622.535	580.109.428	2.444.967.769	385.548.700
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công Ty TNHH Đa Phương Thức Minh Phát	354.026.166	-	354.026.166	58.188.240
Các khách hàng khác	2.451.596.369	580.109.428	2.090.941.603	327.360.460
<b>Cộng</b>	<b>2.805.622.535</b>	<b>580.109.428</b>	<b>2.444.967.769</b>	<b>385.548.700</b>
				Thời gian quá hạn
				Trên 3 năm
				Từ 6 tháng
				đến trên 3 năm
				Trên 2 năm
				đến trên 3 năm
				Từ 6 tháng
				đến trên 3 năm

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2018	493.252.619.441	94.449.161.927	56.783.661.758	6.679.834.828	5.909.233.953	657.074.511.907
Mua trong năm	42.700.000	347.083.000	65.643.400	334.731.000	57.454.545	847.611.945
Đầu tư XDCB hoàn thành	20.722.753.245	1.051.416.992	805.561.467	-	955.450.535	23.535.182.239
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>514.018.072.686</b>	<b>95.847.661.919</b>	<b>57.654.866.625</b>	<b>7.014.565.828</b>	<b>6.922.139.033</b>	<b>681.457.306.091</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2018	179.539.604.556	28.587.446.301	31.079.069.810	4.105.675.229	3.286.803.423	246.598.599.319
Khấu hao trong năm	31.084.369.806	9.774.722.052	5.431.729.839	860.406.122	1.268.866.879	48.420.094.698
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>210.623.974.362</b>	<b>38.362.168.353</b>	<b>36.510.799.649</b>	<b>4.966.081.351</b>	<b>4.555.670.302</b>	<b>295.018.694.017</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2018	313.713.014.885	65.861.715.626	25.704.591.948	2.574.159.599	2.622.430.530	410.475.912.588
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>303.394.098.324</b>	<b>57.485.493.566</b>	<b>21.144.066.976</b>	<b>2.048.484.477</b>	<b>2.366.468.731</b>	<b>386.438.612.074</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 336.029.300.633 VND đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.13.  
 Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 73.015.661.894 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán, bản quyền VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2018	1.818.363.207	2.958.203.807	4.776.567.014
Mua trong năm	-	1.522.657.154	1.522.657.154
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>1.818.363.207</b>	<b>4.480.860.961</b>	<b>6.299.224.168</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2018	-	1.066.010.280	1.066.010.280
Khấu hao trong năm	-	413.696.824	413.696.824
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>-</b>	<b>1.479.707.104</b>	<b>1.479.707.104</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2018	1.818.363.207	1.892.193.527	3.710.556.734
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>1.818.363.207</b>	<b>3.001.153.857</b>	<b>4.819.517.064</b>

**4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2B	61.636.872.000	44.761.955.000
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2 (9 ha)	45.365.283.425	64.128.947.525
Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư phục vụ dự án mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2	38.054.453.800	27.054.453.800
Các dự án khác	2.410.285.782	2.385.986.515
<b>Cộng</b>	<b>147.466.895.007</b>	<b>138.331.342.840</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành (a)	1.665.000.000	(*)	1.665.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai (b)	13.500.000.000	(*)	13.500.000.000	(*)
<b>Cộng</b>	<b>15.165.000.000</b>		<b>15.165.000.000</b>	

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (c)	7.000.000.000	(*)	7.000.000.000	(*)
---------------------------------------	---------------	-----	---------------	-----

(a) Khoản đầu tư này chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành là: kinh doanh khai thác cầu cảng, khai thác kho tàng bến bãi, bốc xếp và vận tải hàng hóa bằng ô tô trong và ngoài cảng và các dịch vụ của ngành hàng hải, dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp, vận tải, tàu lai dắt, vận chuyển hàng hóa đường thủy, đường bộ, cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu, dầu nhớt các loại), đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai là: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng, cho thuê container, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, đường hầm, nạo vét sông.

(c) Khoản đầu tư này chiếm 0,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức là cho thuê đất và mặt bằng, tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng.

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.8. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí mua bảo hiểm	513.791.976	102.529.398
Các khoản khác	4.389.052	365.371.057
<b>Cộng</b>	<b>518.181.028</b>	<b>467.900.455</b>
Dài hạn:		
Tiền thuê đất trả trước	42.644.943.777	26.660.939.667
Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng không được cân trừ vào tiền thuê đất	8.571.015.852	279.006.990
Các khoản khác	4.418.379	-
<b>Cộng</b>	<b>51.220.378.008</b>	<b>26.939.946.657</b>

**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	10.409.027.258	10.409.027.258	15.647.549.440	15.647.549.440
Phải trả cho người bán				
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải HPS Marine	27.706.202.000	27.706.202.000	21.548.569.000	21.548.569.000
Phải trả cho các đối tượng khác	34.649.107.741	34.649.107.741	33.299.552.119	33.299.552.119
<b>Cộng</b>	<b>72.764.336.999</b>	<b>72.764.336.999</b>	<b>70.495.670.559</b>	<b>70.495.670.559</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	1.000.000.000	-	22.881.448.536	23.405.411.664	476.036.872	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.598.707.439	12.289.017.508	10.817.957.881	-	127.647.812
Thuế thu nhập cá nhân	-	662.434.113	3.376.748.731	3.132.944.007	-	418.629.389
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	3.521.902.975	3.521.902.975	-	-
Các loại thuế khác	-	442.794	21.666.915	38.824.623	-	17.600.502
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>2.261.584.346</b>	<b>42.090.784.665</b>	<b>40.917.041.150</b>	<b>476.036.872</b>	<b>563.877.703</b>

**4.11. Phải trả người lao động**

Là khoản tiền lương còn lại của quỹ lương năm 2018 phải trả cho cán bộ, công nhân viên.

(Xem tiếp trang sau)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.12. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn:</b>		
Phải trả về tiền đền bù trạm nước Xã Phước Thái, nạo vét luồng vào Cảng Gò Dầu	1.373.382.250	1.373.382.250
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	634.577.840	59.820.220
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.177.193.064	1.358.127.956
<b>Cộng</b>	<b>3.185.153.154</b>	<b>2.791.330.426</b>
<b>Dài hạn:</b>		
Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho người dân	16.530.632.897	16.530.632.897
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.670.957.325	6.550.957.325
<b>Cộng</b>	<b>23.201.590.222</b>	<b>23.081.590.222</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐÓNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.13. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	71.720.892.573	71.720.892.573	269.697.130.557	323.632.288.953	125.656.050.969	125.656.050.969
Dài hạn	161.304.663.611	161.304.663.611	30.000.000.000	33.460.800.000	164.765.463.611	164.765.463.611
<b>Cộng</b>	<b>233.025.556.184</b>	<b>233.025.556.184</b>	<b>299.697.130.557</b>	<b>357.093.088.953</b>	<b>290.421.514.580</b>	<b>290.421.514.580</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
			VND	VND
<i>Vay ngắn hạn:</i>				
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	5,7%/năm	18.405.079.881	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		6,5%/năm	21.475.012.692	97.055.250.969
<i>Vay dài hạn đến hạn trả:</i>				
Quý Đầu Tư Phát Triển	VND	7%/năm	11.112.000.000	11.112.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,7%/năm	5.824.800.000	5.824.800.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	8,7-9,3%/năm	14.904.000.000	11.664.000.000
<b>Cộng</b>			<b>71.720.892.573</b>	<b>125.656.050.969</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

<i>Khoản vay dài hạn:</i>	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Quý Đầu Tư Phát Triển	VND	7%/năm	50.540.109.247	61.652.109.247 (c)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,7%/năm	7.751.247.961	13.576.047.961 (d)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	8,7-9,3%/năm	103.013.306.403	89.537.306.403 (e)
<b>Cộng</b>			<b>161.304.663.611</b>	<b>164.765.463.611</b>

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- (a) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Xe cầu Lima 700TC- 02 (01 chiếc);
  - Xe cầu bánh lốp P&H 670TC (01 chiếc);
  - Cản trục bánh lốp Halla American 5530 (01 chiếc);  
(Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 58/12/VCB.BH);
- (b) Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (c) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Bến tàu 30.000 DWT;
  - 2 cầu Libebherr (Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2014.HĐTC-TD ngày 24/12/2014);
- (d) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Toàn bộ công trình xây dựng trên đất và tài sản đầu tư trên đất, khoản tiền bảo hiểm đối với tài sản của dự án nâng cấp mở rộng cầu cảng số 2 (bên sà lan 3.000 DWT) tại Phường Long Bình Tân, Đồng Nai (Theo hợp đồng thế chấp số 094/14/VCB.BH);
  - Chân đế trụ cầu thuộc công trình bên sà lan 3.000 DWT tại phường Long Bình Tân;
  - 01 cầu bờ có định 40T/30M-Macgregor GL4030-2;  
(Theo hợp đồng thế chấp số 211/14/VCB.BH)
  - Công trình đồng bộ - nhà kho CFS diện tích 5.250m<sup>2</sup> (thuộc dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2 tại Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai) (Theo hợp đồng thế chấp số 054.13);

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng tất cả các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác bãi hoặc hạ tầng kỹ thuật trên bãi, quyền nhận tiền từ hợp đồng, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, quyền nhận các khoản tiền bồi thường phạt vi phạm,... và tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất 157.544,4 m<sup>2</sup> tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và bãi cấp phối sỏi đồ 7,15ha và 2,17ha thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/CĐN/2015/HĐTC và Hợp đồng thế chấp tài sản 02/CĐN/2017/HĐTC ngày 29 tháng 09 năm 2017).

Giá trị còn lại của tài sản hữu hình dùng cầm cố thế chấp cho các khoản vay là 336.029.300.633 VND – xem thêm mục 4.4.

**4.14. Dự phòng phải trả**

Là khoản trích quỹ dự phòng tiền lương.

**4.15. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	<b>Quỹ khen thưởng phúc lợi VND</b>
Tại ngày 01/01/2018	5.789.636.357
Trích trong kỳ	9.665.117.000
Tặng khác	24.050.000
Chi trong kỳ	5.634.853.538
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>9.843.949.819</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2017	123.479.870.000	74.434.806.545	128.316.318.434	7.752.120.803	41.163.225.388	375.146.341.170
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	76.492.644.457	76.492.644.457
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.298.528.891	-	(15.298.528.891)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.503.434.718)	(2.503.434.718)
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	-	(625.951.000)	(625.951.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(474.700.000)	(474.700.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(30.869.967.500)	(30.869.967.500)
Tặng khác (*)	-	-	3.364.566.304	-	(3.364.566.304)	-
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	<b>123.479.870.000</b>	<b>74.434.806.545</b>	<b>146.979.413.629</b>	<b>7.752.120.803</b>	<b>64.518.721.432</b>	<b>417.164.932.409</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	111.089.250.255	111.089.250.255
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	22.206.942.109	-	(22.206.942.109)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8.414.191.000)	(8.414.191.000)
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	-	(764.926.000)	(764.926.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(486.000.000)	(486.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(49.391.948.000)	(49.391.948.000)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>123.479.870.000</b>	<b>74.434.806.545</b>	<b>169.186.355.738</b>	<b>7.752.120.803</b>	<b>94.343.964.578</b>	<b>469.197.117.664</b>

(\*) Khoản trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển từ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm năm 2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vốn góp của công ty mẹ	62.974.800.000	62.974.800.000
Vốn góp của các đối tượng khác	60.505.070.000	60.505.070.000
<b>Cộng</b>	<b>123.479.870.000</b>	<b>123.479.870.000</b>

**4.16.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.347.987	12.347.987
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.347.987	12.347.987
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.347.987	12.347.987

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.16.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	111.089.250.255	76.492.644.457
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(13.729.164.995)	(9.665.117.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	97.360.085.260	66.827.527.457
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	12.347.987	12.347.987
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>7.885</b>	<b>5.412</b>

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi 2018 tạm tính dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên vào ngày 19 tháng 04 năm 2018.

**4.16.5. Cổ tức**

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên vào ngày 19 tháng 04 năm 2018 thì tỷ lệ chia cổ tức là 30% trên vốn điều lệ.

**4.16.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2018	146.979.413.629	7.752.120.803
Trích trong năm	22.206.942.109	-
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>169.186.355.738</b>	<b>7.752.120.803</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tài sản thuê ngoài: Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	3.393.418.690	3.385.602.491
Trên 1 năm đến 5 năm	13.573.674.760	14.709.594.090
Trên 5 năm	94.317.283.505	103.061.089.095
<b>Cộng</b>	<b>111.284.376.955</b>	<b>121.156.285.676</b>

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Ngoại tệ các loại:		
USD	150.675,92	186.052,99

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu cung cấp dịch vụ trong kỳ.

Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan là 2.463.459.367 VND– Xem thêm mục 8.

**5.2. Giá vốn hàng bán**

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.366.482.500	2.516.950.000
Lãi tiền gửi	2.498.621.882	1.843.363.361
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.565.025	3.845.193
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	54.541.966	-
<b>Cộng</b>	<b>3.929.211.373</b>	<b>4.364.158.554</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	21.069.906.458	18.918.426.845
Lỗ chênh lệch tỷ giá	37.321.850	3.628.833
<b>Cộng</b>	<b>21.107.228.308</b>	<b>18.922.055.678</b>

**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí hoa hồng, môi giới	7.829.923.440	6.949.479.916
Chi phí nhân viên	3.422.339.295	2.763.547.728
Chi phí bằng tiền khác	3.446.714.445	5.760.426.210
<b>Cộng</b>	<b>14.698.977.180</b>	<b>15.473.453.854</b>

**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	20.086.664.854	18.734.020.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.914.421.634	2.988.126.279
Thuế, phí, lệ phí	3.684.216.721	3.725.854.662
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	166.094.038	(1.201.160.830)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.396.102.346	1.241.011.507
Các khoản chi phí quản lý khác	16.141.959.449	13.184.297.455
<b>Cộng</b>	<b>44.389.459.042</b>	<b>38.672.149.614</b>

**5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.402.760.423	7.058.228.062
Chi phí nhân công	77.037.145.651	69.791.815.260
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.833.791.522	45.560.501.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.960.582.709	256.416.381.464
Chi phí khác bằng tiền	40.841.807.862	41.622.162.003
Chi phí dự phòng	166.094.038	(1.201.160.830)
<b>Cộng</b>	<b>526.242.182.205</b>	<b>419.247.927.367</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	123.378.267.763	85.014.049.490
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	543.599.305	1.390.416.504
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm (thu nhập được miễn thuế)	(1.366.482.500)	(2.516.950.000)
Thu nhập tính thuế	122.555.384.568	83.887.515.994
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất ưu đãi 10%</i>	122.220.594.056	82.560.981.658
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác chịu thuế suất phổ thông</i>	334.790.512	1.326.534.336
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	12.222.059.406	8.256.098.166
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động khác	66.958.102	265.306.867
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>12.289.017.508</b>	<b>8.521.405.033</b>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	266.236.330.557	280.391.697.539

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(323.641.543.970)	(254.069.469.037)

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ có hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển và báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ các thông tin theo lĩnh vực kinh doanh.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là dịch vụ cảng biển tại khu vực Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- |  |  |
|--|--|
| 1. Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp | Công ty mẹ                               |
| 2. Công ty Cổ phần Cảng Long Thành                 | Công ty liên kết                         |
| 3. Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai           | Công ty liên kết                         |
| 4. Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai               | Công ty cùng tập đoàn                    |
| 5. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình              | Công ty cùng tập đoàn                    |
| 6. Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi             | Công ty cùng tập đoàn                    |
| 7. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi                | Công ty cùng tập đoàn                    |
| 8. Công ty Cổ phần Tiếp Vận Số 1 Đồng Nai          | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 9. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc          | Nhân sự quản lý chủ chốt                 |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 31/12/2018 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2018 VND</b>
<b>Phải thu thương mại:</b>		
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	2.190.650	-
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	-	4.102.708
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Số 1 Đồng Nai	-	86.240.000
	<b>2.190.650</b>	<b>90.342.708</b>
<b>Phải trả thương mại:</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	(5.853.261.179)	(8.981.166.051)
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Số 1 Đồng Nai	(4.339.759.579)	(6.522.866.469)
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	(128.886.240)	(135.838.920)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	(36.416.130)	-
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	(23.204.130)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	(15.400.000)	-
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	(12.100.000)	( 7.678.000)
	<b>(10.409.027.258)</b>	<b>(15.647.549.440)</b>
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.2</b>		
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.9</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Cung cấp dịch vụ:</b>		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	557.893.427	477.225.779
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	632.391.963	730.101.962
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Số 1 Đồng Nai	1.273.173.977	1.213.504.396
<b>Cộng – Xem thêm mục 5.1</b>	<b>2.463.459.367</b>	<b>2.420.832.137</b>

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Mua dịch vụ:</b>		
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	44.985.361.399	48.131.071.324
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	414.341.140	312.182.500
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Số 1 Đồng Nai	39.184.603.678	25.906.464.466
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	1.944.774.600	1.620.191.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	14.000.000	83.900.000
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	68.260.000	92.880.000
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	316.804.400	406.539.539
<b>Cộng</b>	<b>86.928.145.217</b>	<b>76.553.229.429</b>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao và thu nhập	3.983.518.000	4.606.794.000

**9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	1.083.035.000	879.500.000

**10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê đất của Nhà nước theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	3.412.535.493	3.385.602.492

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Từ 1 năm trở xuống	3.393.418.690	3.385.602.491
Trên 1 năm đến 5 năm	13.573.674.760	14.709.594.090
Trên 5 năm	94.317.283.505	103.061.089.095
<b>Cộng</b>	<b>111.284.376.955</b>	<b>121.156.285.676</b>

**11. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2017 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2017 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	5.412	5.523

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do có sự chênh lệch giữa số tiền khen thưởng phúc lợi tạm trích và thực tế phát sinh của năm tài chính 2017.

**12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



**Nguyễn Ngọc Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2019

**Huỳnh Ngọc Tuấn**  
Kế toán trưởng

**Vũ Thị Quỳnh Trang**  
Người lập

